

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Đông Hà, tháng 12/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Ngày tháng năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Ngày tháng năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
Phần I: SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	3
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	3
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	4
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường	4
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	13
2.3. Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất	22
III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH (NĂM 2023).....	26
3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.....	26
3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.....	32
IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	40
4.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt	40
4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt.....	47
4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất.....	49
Phần II: PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030.....	50
I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	50
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	50
1.2. Quan điểm sử dụng đất.....	50
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng	51
II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	53
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	53
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.....	54
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng	69
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	69
Phần III: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	73
I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	73
II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.....	73
III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất	74
IV. Các giải pháp khác.....	75
HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU VÀ PHỤ BIỂU	78

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thành phố Đông Hà nằm ở vị trí trung độ của cả nước, với tổng diện tích 7.308,53 ha, mật độ dân số khoảng 1.300 người/km². Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh Quảng Trị, nằm trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây nối liền 13 tỉnh của 4 quốc gia (Việt Nam, Lào, Thái Lan và Myanmar); có mạng lưới giao thông đường bộ, đường thuỷ, đường sắt thuận tiện, có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh khu vực miền Trung, cũng như hội tụ các điều kiện giao lưu, tiếp thu các thành tựu khoa học tiên tiến, khả năng thu hút đầu tư để xây dựng phát triển trở thành đô thị hiện đại, ngang tầm khu vực. Để quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thì công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được triển khai thực hiện một cách kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, tại Điều 6 quy định nguyên tắc sử dụng đất phải đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất; tại các Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 40 quy định về nguyên tắc, căn cứ, nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện; tại Điều 45, Điều 48, Điều 49 xác định thẩm quyền quyết định, xét duyệt, điều chỉnh, công bố và thực hiện quy hoạch và được sửa đổi bổ sung tại Khoản 1 Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. UBND thành phố Đông Hà đã triển khai lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/4/2021. Tuy nhiên, quá trình lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Đông Hà do nhiều nguyên nhân khác nhau, nên đã chưa dự báo hết nhu cầu sử dụng đất cho một số ngành, lĩnh vực, làm ảnh hưởng đến thu hút đầu tư, tiến độ triển khai một số dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội của thành phố nói riêng và của tỉnh Quảng Trị nói chung. Mặt khác, điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023, thì định hướng sử dụng đất và một số chỉ tiêu sử dụng đất chính giữa điều chỉnh quy hoạch chung đến năm 2045 và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Đông Hà chưa đồng bộ, thống nhất nên cần phải điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất cho phù hợp.

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2114/UBND-KT ngày 09/5/2023 về lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, UBND thành phố Đông Hà tiến hành lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là hết sức cần thiết, để góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đông Hà trong thời gian tới.

Phần I

SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đông Hà dựa trên những căn cứ sau:

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 /12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045.
- Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Đông Hà.
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đông Hà nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về cho ý kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025.
- Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND thành phố Đông Hà về thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025.
- Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 09/3/2022 của HĐND thành phố Đông Hà về thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025.
- Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 21/10/2022 của HĐND thành phố Đông Hà về thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025 (lần 2).

- Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 30/11/2023 của HĐND thành phố Đông Hà về việc thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021-2025 (lần 3).

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

Qua 03 năm thực hiện quy hoạch các nội dung về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất về cơ bản không có sự thay đổi. Riêng nội dung về thực trạng môi trường, thực trạng về phát triển kinh tế - xã hội có sự biến động do diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới; những điều chỉnh chính sách để ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát; hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19 để lại; thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng tăng đã tác động tiêu cực đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, do đó cần phải đánh giá, bổ sung cho phù hợp với tình hình tại địa phương.

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

Phần này không có thay đổi mà giữ nguyên đánh giá như quy hoạch sử dụng đất được duyệt.

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Đông Hà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Trị, nằm ở tọa độ 16⁰40'53" - 16⁰52'22" vĩ độ Bắc, 107⁰40'24" - 107⁰04'24" kinh độ Đông. Cách thành phố Đồng Hới 93 km về phía Nam, cách thành phố Huế 70 km về phía Bắc, cách cửa khẩu Lao Bảo 85 km về phía Đông, cách cảng biển Cửa Việt 16 km về phía Tây. Ranh giới thành phố được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Cam Lộ và Gio Linh.
- Phía Nam giáp huyện Triệu Phong.
- Phía Đông giáp huyện Gio Linh và Triệu Phong.
- Phía Tây giáp huyện Cam Lộ.

Đông Hà nằm ở giao điểm của các tuyến giao thông Bắc Nam gồm có Quốc lộ 1A (nối Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh), đường sắt Bắc Nam và Quốc lộ 9 nằm trong hệ thống đường Xuyên Á đi Lào, Đông Bắc Thái Lan. Thành phố Đông Hà là một trong những điểm khởi đầu ở phía Đông của trục hành lang kinh tế Đông - Tây, nối với nước Lào và Thái Lan, Myanma... qua cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo.

2.1.1.2. Địa hình, địa mạo

- Địa hình thành phố Đông Hà có đặc trưng về mặt hình thể như là một mặt cầu mở rộng ra hai phía Bắc, Nam của Quốc lộ 9, địa hình hơi nghiêng và

thấp dần từ Tây sang Đông với hướng dốc chính là Tây Nam - Đông Bắc theo hướng dòng chảy của sông Hiếu. Các vùng đất đồi bị chia cắt bởi nhiều đồi bát úp xen giữa là các khe. Nhìn chung, thành phố Đông Hà gồm có hai dạng địa hình cơ bản sau:

+ Địa hình gò đồi: Có dạng bát úp ở phía Tây và Tây Nam có diện tích 3.222 ha, chiếm 44,1% diện tích tự nhiên; có độ cao trung bình 10 m so với mực nước biển, nghiêng dần về phía Đông với độ dốc trung bình 5 - 10⁰, chỗ cao nhất là 42 m ở phường Đông Thanh (Khu phố 11), chỗ thấp nhất là 2,5 m nằm ở khu vực chợ Đông Hà và phía Đông Quốc lộ 1A. Với địa hình này sẽ thích hợp cho việc sản xuất canh tác, trồng cây lâm nghiệp, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế trang trại, sinh thái vườn đồi, vườn rừng. Xen kẽ giữa những gò đồi là những hồ đập có tác dụng điều hoà khí hậu, bảo vệ môi trường, đồng thời tạo ra những cảnh quan tự nhiên, môi trường sinh thái để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển các cụm điểm dịch vụ vui chơi, giải trí, tạo ra một cảnh quan đô thị đẹp, đa dạng.

+ Địa hình đồng bằng: Có độ cao trung bình 3 m so với mực nước biển, chiếm 55,9% diện tích tự nhiên. Về thổ nhưỡng, đất ở đây được phủ lên mặt lớp phù sa thuận lợi cho phát triển nông nghiệp (trồng lúa, hoa, rau màu...). Địa hình này tập trung ở các phường 2, 3, Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương. Do địa hình thấp trũng nên thường hay bị ngập lụt về mùa mưa bão; đồng thời do nằm ở cuối nguồn các công trình thủy lợi nên thường bị hạn hán, thiếu nước về mùa hè, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

- Địa mạo: Do hoạt động kiến tạo xảy ra mạnh mẽ, đặc biệt là hoạt động tân kiến tạo, kết hợp với quá trình ngoại sinh đã tạo nên 2 vùng địa mạo cơ bản là vùng bóc mòn và vùng tích tụ.

+ Vùng bóc mòn: phân bố chủ yếu ở phía Tây - Tây Nam đường Quốc lộ 1A, có độ cao dao động từ 5 m đến xấp xỉ 30 m, là vùng hoàn toàn thoát khỏi tác động của lũ lụt hàng năm, ở đây hoạt động phong hoá xâm thực - bóc mòn là cơ bản, vùng này có nền móng tốt thuận lợi cho xây dựng các công trình, định cư và trồng cây công nghiệp, lâm nghiệp.

+ Vùng tích tụ: có cấu tạo địa hình phức tạp, độ cao biến động từ 0 - 5 m; nhiều nơi bị ngập lũ hàng năm, có nơi sâu đến 2 m (như phường Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương). Đây là vùng trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản. Hàng năm lũ lụt gây ra nhiều thiệt hại cho cư dân và sản xuất nông nghiệp.

2.1.1.3. Khí hậu

- Thành phố Đông Hà nằm trong vùng khí hậu Bắc Trung Bộ, mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng lại chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam và gió mùa Đông Bắc. Khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 9, có sự xuất hiện của gió Tây Nam khô nóng làm cho mức nhiệt tăng, độ ẩm giảm thấp. Mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ giảm kèm theo mưa bão và lũ lụt.

+ Nhiệt độ: Có nền nhiệt độ tương đối cao, nhiệt độ trung bình năm khoảng 25°C. Nhiệt độ cao nhất có thể lên đến 42°C, thường xảy ra trong tháng 6, 7; nhiệt độ thấp có thể xuống 11°C, thường xảy ra trong khoảng tháng 1, tháng 12. Từ tháng 5 đến tháng 7 khi xuất hiện gió mùa Tây Nam (thường gọi là gió Lào) mang đặc trưng nắng nóng và khô hạn kéo dài, đó cũng là thời gian nóng nhất trong năm.

+ Lượng mưa: Tương đối lớn, bình quân năm 2.454 mm, nhưng phân bố không đều theo các tháng trong năm. Mưa tập trung chủ yếu vào tháng 9, 10, 11 và cao nhất vào tháng 9 nên thường gây ra lũ lụt. Nước lũ tràn về đồng ruộng tạo nên lớp phù sa mới, bồi đắp độ màu mỡ cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên đây cũng là nguyên nhân gây ngập úng, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân.

+ Độ ẩm: Độ ẩm trung bình qua các năm từ 83 - 87%, các tháng có độ ẩm cao thường là các tháng mùa mưa. Vào mùa khô độ ẩm thấp hơn nhiều, đặc biệt vào thời kỳ có gió Tây Nam hoạt động, độ ẩm chỉ còn 67 - 68%.

+ Bức xạ mặt trời, số giờ nắng: Tổng bức xạ lớn nhất rơi vào các tháng mùa khô, trung bình hàng năm đạt từ 128 - 133 Kcal/cm². Với số giờ nắng phân hóa không đều trong năm, những tháng mùa hạ thường có số giờ nắng cao gấp 2 đến 3 lần mùa mưa. Thời kỳ nắng nhiều là những tháng mùa khô từ tháng 4 đến tháng 8, số giờ nắng lớn hơn 200 giờ; tháng có giờ nắng cực đại là tháng 7, đạt 239 giờ. Thời kỳ ít nắng là những tháng mùa mưa từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau, số giờ nắng dưới 120 giờ.

- Gió: Hằng năm, có hai mùa gió chính là gió mùa đông và gió mùa hạ. Về mùa đông hướng thịnh hành chủ yếu là Đông - Bắc; xen kẽ giữa hai đợt gió mùa Đông Bắc là những ngày gió mùa Đông hoặc Đông Nam. Về mùa hạ, hướng gió thịnh hành là hướng Tây - Nam; gió Đông Nam xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau; gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từ hạ tuần tháng 2 và kết thúc vào trung tuần tháng 9, gió Tây Nam thịnh hành từ tháng 5 đến tháng 8.

+ Bão: Mùa bão thường xảy ra từ tháng 9 đến tháng 11. Các cơn bão đổ bộ vào đất liền thường kèm theo mưa to kết hợp nước biển dâng cao và lượng mưa từ trên nguồn đổ xuống gây lũ lụt và ngập úng trên diện rộng làm hư hỏng cơ sở hạ tầng, thiệt hại mùa màng, gây nhiều tổn thất về kinh tế, xã hội và môi trường.

- Nhìn chung, khí hậu của khu vực có nhiều nét biến động mạnh, thể hiện qua sự biến động mùa (mùa đông và mùa hạ, mùa mưa và mùa khô). Diễn biến khí hậu thời tiết của Đông Hà thường gây úng vào đầu vụ đối với vụ đông xuân; hạn đầu vụ, úng cuối vụ đối với vụ hè thu.

2.1.1.4. Thủy văn

- Thành phố Đông Hà chịu ảnh hưởng chế độ thủy văn của hệ thống sông ngòi và thủy triều từ biển vào thông qua cửa biển Cửa Việt. Hệ thống sông ngòi của thành phố gồm 03 sông chính: Sông Hiếu, Vĩnh Phước và Thạch Hãn hợp lưu của hai sông này dài 20km và đổ ra Cửa Việt theo hướng Đông Bắc và được gọi là sông Cửa Việt.

+ Sông Hiếu: Bắt nguồn từ sườn Đông dãy Trường Sơn cao trên 1.000 m chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua các xã Hướng Sơn, Hướng Hiệp chảy về địa phận huyện Cam Lộ đi về Đông Hà (bắt đầu từ nhà máy xi măng Đông Hà đến ngã ba Gia Độ) và nhập vào sông Thạch Hãn ở ngã ba Gia Độ. Sông Hiếu có chiều dài 70 km, diện tích lưu vực 465 km², đoạn chảy qua thành phố có chiều dài 8 km, với chiều rộng trung bình khoảng 150 - 200 m. Khu vực hạ lưu sông Hiếu chịu sự chi phối của thủy triều từ biển vào nên có chế độ dòng chảy khá phức tạp. Về mùa hạ dòng chảy ở thượng lưu nhỏ (lưu lượng thấp nhất là 2,83 m³/s) nên mặn xâm nhập sâu và biên độ mặn lớn, nhưng về mùa lũ nước thường dâng cao gây ngập lụt.

+ Sông Thạch Hãn: Có chiều dài 155 km, diện tích lưu vực 2.660 km². Nhánh sông chính là Thạch Hãn bắt nguồn từ các dãy núi lớn Động Sa Mui, Động Voi Mẹp (nhánh Rào Quán) và động Ba Lê, động Dang (nhánh Đakrông). Đoạn chảy qua thành phố có chiều dài 5 km, với chiều rộng trung bình khoảng 250 - 400 m.

+ Sông Vĩnh Phước: Bắt nguồn từ vùng đồi cao 300 - 400 m thuộc xã Cam Nghĩa, Cam Chính (huyện Cam Lộ) chảy qua phía Nam thành phố Đông Hà ở phường Đông Lương rồi đổ vào sông Thạch Hãn tại Km5 đường sông, tính từ ngã ba Gia Độ ở xã Triệu Độ (huyện Triệu Phong). Sông có diện tích lưu vực 183 km², chiều dài 45 km, chiều rộng trung bình 50 - 70 m, lưu lượng trung bình 9,56 m³/s. Đây là con sông cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho thành phố Đông Hà.

- Ngoài các con sông chính trên địa bàn thành phố Đông Hà còn có các hồ như: hồ Khe Mây, hồ Khe Sắn, hồ Trung Chỉ, hồ Km6, hồ Đại An, hồ Công viên... được phân bố đều khắp trên địa bàn thành phố, góp phần tạo cảnh quan thiên nhiên, điều hòa vi khí hậu, điều tiết lưu vực dòng chảy, phát triển du lịch sinh thái cho thành phố.

2.1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

Phần này không có thay đổi mà giữ nguyên đánh giá như quy hoạch sử dụng đất được duyệt.

2.1.2.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra nông hoá thổ nhưỡng, đất đai của thành phố Đông Hà chủ yếu gồm các loại đất sau: Đất Feralit trên sa phiến, đất phù sa bồi, phù sa không được bồi, đất phù sa Flay.

- Đất phù sa Glây (Pg): Phân bố rải rác ở các khu vực trồng lúa (thuộc các phường Đông Lễ, Đông Lương, Đông Giang, Đông Thanh) có diện tích khoảng 200 ha, là loại đất thích hợp trồng lúa.

- Đất phù sa được bồi hàng năm (Pb): Phân bố tập trung ở các vùng khu vực triền sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, diện tích khoảng 500 ha, đây là loại đất thích hợp cho việc trồng cây lương thực, cây ăn quả và cây công nghiệp.

- Đất Feralit nâu vàng phát triển trên phiến sét (Fs): Phân bố tập trung ở

khu vực Tây và Tây Nam thành phố. Diện tích đất này chiếm diện tích khoảng 3.500 ha, thích hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả và phát triển đồng cỏ chăn nuôi.

Đặc điểm chung của các loại đất trên là bị chua phèn, độ pH dao động từ 4,5 - 6,5 nên độ phì kém.

2.1.2.2. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: Nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân thành phố Đông Hà khá dồi dào, được cung cấp chủ yếu từ 3 hệ thống sông chính (sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, sông Thạch Hãn) và hàng chục khe suối, hồ chứa... phân bố khá đều trên địa bàn thành phố. Ngoài các con sông kể trên Đông Hà còn có một số hồ đập nhân tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cải tạo môi trường và nuôi trồng thủy sản, như:

+ Hồ Trung Chi: Có diện tích lưu vực khoảng 3,2 km² phục vụ tưới cho gần 100 ha lúa của phường Đông Lương.

+ Hồ Khe Mây: Nằm ở phía Tây thành phố có diện tích lưu vực khoảng 6 km² phục vụ nước tưới cho 30 - 35ha lúa, nuôi trồng thủy sản.

+ Hồ Đại An: Có diện tích lưu vực 4,18 ha là hồ điều hòa cho khu vực Phường 5, gồm các tuyến Hàm Nghi, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Chí Thanh, Tôn Thất Thuyết.

- Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ vùng trung tâm thành phố và khu vực đất đồi tầng ngầm nghèo. Nguồn nước ngầm mạch nông tồn tại ở vùng đất trũng thuộc khu vực trầm tích phù sa. Không có nguồn nước ngầm ở mạch nông nhưng có thể khai thác nguồn nước ngầm mạch sâu cách thành phố khoảng 12 km về phía Đông Bắc, trữ lượng nước tương ứng cấp C1 là 19.046m³/ngày, cấp C2 là 98.493m³/ngày, lưu lượng giếng khoan từ 15-19l/s.

2.1.2.3. Tài nguyên rừng

- Hiện nay, thành phố Đông Hà có khoảng 2.279,15 ha đất lâm nghiệp (chiếm 58,23% tổng diện tích đất nông nghiệp), bao gồm: đất rừng sản xuất khoảng 2.203,23 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 75,91 ha. Rừng tự nhiên bị chiến tranh hủy diệt và một phần do con người chặt phá nên diện tích còn không đáng kể. Rừng trồng đã đến tuổi khai thác có khoảng 1.000 ha, mật độ thưa, năng suất và trữ lượng không cao. Ước tính trữ lượng gỗ củi có khoảng 15.000 m³ gỗ củi. Cần duy trì ổn định diện tích đất rừng sản xuất, rừng cảnh quan gắn phát triển lâm nghiệp với phát triển du lịch, dịch vụ và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tỷ lệ che phủ rừng hiện nay là 18,32%, rừng của thành phố tuy giá trị về mặt kinh tế không lớn, song có ý nghĩa quan trọng trong việc điều hòa không khí, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn, đặc biệt là việc tạo cảnh quan, phát triển các loại hình kinh tế dịch vụ, thương mại, du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng sau này trên địa bàn.

2.1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

- Nguồn tài nguyên khoáng sản ở thành phố Đông Hà nghèo, chỉ có nguồn đất sét làm gạch ngói, trữ lượng nhỏ, phân bố rải rác ở các phường Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lương và Phường 2. Do đó, khó thực hiện việc khai thác trên diện rộng, quy mô lớn.

- Ngoài ra, qua các đợt thăm dò địa chất trước đây cho biết trên khu vực thành phố Đông Hà có quặng sắt ở đồi Quai Vạc, sắt ở đường 9D (gần trung tâm thành phố), trữ lượng cũng không đáng kể.

2.1.2.5. Tài nguyên nhân văn

- Thành phố Đông Hà là vùng đất được hình thành từ xa xưa, do những biến động của lịch sử nên Đông Hà có nhiều thế hệ làng, xã ra đời sớm muộn khác nhau. Trước năm 1306, vùng đất phía Nam sông Hiếu là lãnh thổ của Vương quốc Chăm Pa, trong khi đó vào năm 1069, phía Bắc sông Hiếu vẫn là đất của huyện Vĩnh Linh dưới thời Đại Việt. Vào thế kỷ thứ XVIII, Lê Quý Đôn viết Phủ tạp lục, Đông Hà là đất thuộc huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hoá. Vào thế kỷ thứ XIX, theo Đồng Khánh dư địa chí, Đông Hà là đất của 2 huyện (phía bắc thuộc huyện Thành Hoá, tổng An Lạc; phía nam sông Hiếu thuộc tổng An Đôn, huyện Đăng Xương). Qua thời gian, các làng, xóm vẫn giữ được hệ thống giếng Chăm và nhiều cổ vật, bằng chứng của sự cư trú của nhiều dân tộc, đây cũng là một đặc điểm trong tổng thể văn hoá Quảng Trị nằm ở dải hội tụ hai phong cách văn hoá Việt và Chăm Pa.

- Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân thành phố Đông Hà có truyền thống đấu tranh anh dũng, đóng góp nhiều sức người, sức của trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, có tinh thần đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo. Trong công cuộc xây dựng đất nước, Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thử thách giành được nhiều thành tích trong mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

2.1.3. Đánh giá bổ sung hiện trạng môi trường

2.1.3.1. Môi trường không khí

Ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn thành phố Đông Hà tập trung chủ yếu, liên tục ở hoạt động giao thông bởi các phương tiện lưu thông phát sinh các chất ô nhiễm như: Bụi, CO₂, SO₂, CO, NO_x, hơi xăng, dầu và độ ồn. Chủ yếu tập trung tại các tuyến đường có nhiều phương tiện lưu thông như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, đường Hùng Vương và tại các nút giao thông (ngã ba, ngã tư).

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích tại 09 vị trí trong 2 đợt gồm: KK1 (ngã 5 - Viên thông Quảng Trị); KK2 (ngã tư giao giữa đường Hùng Vương và Quốc lộ 9); KK3 (công cụm công nghiệp Đông Lễ); KK4 (bên xe trung tâm thành phố Đông Hà) và KK5 (điểm giao nhau giữa Quốc lộ 9 và Trần Hưng Đạo), KK6 (ngã tư giao nhau giữa đường Lý Thường Kiệt và Hùng Vương), KK7 (ngã tư giao nhau giữa đường Hùng Vương và Điện Biên Phủ), KK8 (ngã ba giao giữa

đường Quốc lộ 1A và Hoàng Diệu), KK9 (Gần khu vực thi công cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với Trung tâm thành phố Đông Hà) cho thấy: Tất cả các thông số quan trắc chất lượng môi trường không khí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Cụ thể:

- Độ ồn và độ bụi: Độ ồn và độ bụi tại các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2013/BTNMT.

- Các thông số khí độc (SO_2 , NO_2 , CO): Các thông số khí độc tại tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT.

Nhìn chung, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa bị ô nhiễm bởi bụi, các khí độc và ít có sự biến động đột biến.

2.1.3.2. Môi trường nước

- Môi trường nước mặt: Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích tại 11 vị trí quan trắc, gồm: NM1 (hồ Công viên Fidel), NM2 (hồ Lê Duẩn), NM3 (Khe Mụ Lén cách sông Vĩnh Phước khoảng 30m về phía thượng nguồn), NM4 (hồ Km6), NM5 (Khe nước chảy qua lò giết mổ gia súc phường Đông Lương), NM6 (sông Thạch Hãn tại Cầu Đại Lộc), NM7 (Tại sông Thạch Hãn, điểm tiếp nhận nguồn nước thải đổ ra từ khu vực nuôi tôm tập trung phường Đông Lương), NM8 (Tại kênh đập Đại Độ, điểm tiếp nhận nguồn nước thải đổ ra từ khu vực nuôi tôm tập trung phường Đông Giang), NM9 (Hói Chùa, phường Đông Thanh), NM10 (Hói Sòng, phường Đông Giang), NM11 (Nước mặt tại kênh đập chảy qua cầu đường Nguyễn Biểu, phường Đông Lễ) cho thấy: Các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B1: dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, giao thông thủy). Riêng thông số TSS tại vị trí NM5, NM10 (đợt 1) vượt quy chuẩn. Cụ thể:

+ Giá trị pH: Giá trị pH có sự biến thiên nhưng tương đối ổn định tại các vị trí.

+ Thông số TSS: Số lượng vị trí quan trắc có thông số TSS vượt quy chuẩn giảm.

+ Thông số DO, BOD_5 : Nồng độ DO và BOD_5 trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn và tương đối ổn định.

+ Thông số COD và mật độ Coliform: Nồng độ COD và mật độ Coliform trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Nhìn chung, chất lượng nước mặt trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa bị ô nhiễm (riêng thông số TSS tại một số vị trí vào một số thời điểm quan trắc khá cao) và có xu hướng tốt hơn.

- Môi trường nước dưới đất: Trên địa bàn thành phố Đông Hà có 04 vị trí quan trắc môi trường nước dưới đất, gồm: NN20 (tại KCN Nam Đông Hà);

NN31 (tại khu dân cư phía Đông bãi rác Đông Hà); NN36b (tại khu vực Phường 2) và NN58 (tại khu vực nghĩa trang liệt sỹ đường 9). Kết quả quan trắc cho thấy: Phần lớn các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất, cụ thể:

+ Thông số pH và nồng độ TDS: Giá trị pH và nồng độ TDS tại các vị trí phần lớn đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Riêng giá trị pH vị trí NN31 có giá trị nằm ngoài giới hạn cho phép của quy chuẩn.

+ Thông số $\text{NO}_3\text{-N}$ và Fe: Nồng độ $\text{NO}_3\text{-N}$ và Fe trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Nồng độ $\text{NO}_3\text{-N}$ tại vị trí NN36b, NN58 và nồng độ Fe tại vị trí NN20 có giá trị cao hơn so với các vị trí còn lại.

+ Mật độ Coliform: Mật độ Coliform quan trắc tại các vị trí đều thấp.

Như vậy, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa có dấu hiệu ô nhiễm các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và có xu hướng tốt hơn.

2.1.3.3. Hiện trạng chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Năm 2023 tổng khối lượng thu gom chất thải rắn sinh hoạt của thành phố là 34.500 tấn và đã được Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà tiến hành thu gom, xử lý. Hiện tại Đông Hà có bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh tại Phường 3, cách trung tâm thành phố 7 km về phía Tây, hình thức xử lý là chôn lấp hợp vệ sinh. Tuy nhiên, hệ thống xử lý nước rỉ rác chưa được đầu tư hoàn chỉnh đã và đang có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường khu vực.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trên địa bàn thành phố Đông Hà khoảng 1.700 tấn/năm, riêng khu công nghiệp Nam Đông Hà và cụm công nghiệp Đông Lễ và cụm công nghiệp Phường 4 phát sinh khoảng 1.620 tấn/năm. Thành phần chất thải rắn chủ yếu là gỗ vụn, gỗ tạp, vãi vụn, mùn cưa, dăm bào, tro, đá vôi, phế liệu từ quá trình gia công sửa chữa cơ khí, vỏ bao xi măng rách, tấm lợp phibroximăng bị vỡ, bao bì, hộp giấy hư hỏng, các sản phẩm không đạt chất lượng. Hiện nay, chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu do các cơ sở tự thu gom, tái sử dụng hay bán phế liệu, chỉ có 2 đơn vị có hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình và Môi trường Đô thị Đông Hà vận chuyển đi xử lý là Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị và Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam.

- Chất thải rắn nguy hại:

+ Đối với hoạt động công nghiệp: Khối lượng phát sinh khoảng 8 tấn/năm. Hiện nay, các cơ sở có lượng phát sinh lớn đã chủ động thu gom, lưu giữ trong khuôn viên và hợp đồng với các đơn vị có năng lực xử lý chất thải công nghiệp nguy hại (Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội - Chi nhánh Miền

Trung; Công ty TNHH Môi trường Phú Hà tại Phú Thọ; Công ty TNHH Môi Trường Á Châu tại thành phố Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama Quảng Ngãi) để vận chuyển đi xử lý.

+ Đối với hoạt động y tế: Tổng khối lượng chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh khoảng 50 tấn/năm. Chất thải rắn y tế được thu gom, vận chuyển và xử lý bằng phương pháp đốt hoặc qua hệ thống xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng công nghệ vi sóng: Chất thải rắn y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh một phần được Công ty Phú Hà - Hà Tĩnh vận chuyển đi xử lý với tần suất là 2 ngày/lần, một phần được xử lý bằng lò vi sóng STERILWAVE 440 với công suất 40 kg/m³ (thời gian xử lý 45 phút/m³) ngay tại Bệnh viện; chất thải rắn y tế của các cơ sở khác cũng được xử lý tại bệnh viện Đa khoa tỉnh. Chất thải rắn y tế của Bệnh xá Công an tỉnh, bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi Quảng Trị được đốt tại lò đốt của mỗi đơn vị.

+ Chất thải rắn nguy hại trong hoạt động nông nghiệp: Chất thải rắn nông nghiệp nguy hại phát sinh chủ yếu từ trồng trọt bao gồm các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Tổng khối lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trên địa bàn thành phố khoảng 0,6 tấn. Hầu hết các chai lọ, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được vớt tại đồng ruộng như trên các trục đường nội đồng, các kênh mương nơi pha thuốc, một số khu vực được thu gom vào các bể bê tông. Tuy nhiên, hình thức xử lý chủ yếu là đốt ngay trong bể hoặc khu vực xung quanh. Như vậy, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp được đầu tư các bể để thu gom các loại bao bì, chai lọ sau sử dụng nhưng chưa có phương án xử lý thích hợp. Về lâu dài, cần có biện pháp xử lý các bao bì, chai lọ này đảm bảo môi trường và đúng quy định.

Nhìn chung, công tác quản lý môi trường ở địa phương trong những năm gần đây đã được quan tâm đúng mức. Thành phố đã phối hợp với các ngành chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh môi trường; giám sát việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Chỉ đạo thống kê các cơ sở gây ô nhiễm môi trường để có kế hoạch di dời. Triển khai thực hiện các dự án cải thiện môi trường đô thị Miền Trung (vốn ADB), dự án thoát nước đô thị WB đã xây dựng được hệ thống thoát nước chính, hệ thống thoát nước trong các khu dân cư, trạm xử lý nước thải tập trung, bãi chôn lấp tập trung, các điểm tập kết rác tạm thời và tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý tại bãi chôn lấp rác.

Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa đã ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sinh thái:

- Thiếu các công trình xử lý nước thải tại khu cụm công nghiệp, nước thải sinh hoạt và hệ thống công thoát nước chưa đồng bộ.

- Tình trạng ô nhiễm do khói bụi, khí độc và tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải và các hoạt động sản xuất tiêu thủ công nghiệp, chợ ở một số khu vực ngày càng có xu hướng tăng lên.

- Môi trường khu dân cư, môi trường nước đang có hiện tượng bị ô nhiễm

do nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, rác thải, khí thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp...

- Vấn đề cấp thoát nước, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố là những vấn đề bức xúc ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường cần có những biện pháp cụ thể để xử lý.

- Mặt khác, trong quá trình sản xuất nông nghiệp đã sử dụng một lượng lớn phân bón hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nên môi trường đất, nước, không khí ít nhiều đã bị ô nhiễm ở những mức độ khác nhau.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.2.1. Bổ sung khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

- Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, trong điều kiện kinh tế đất nước, toàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt do tác động của dịch bệnh Covid-19, song với nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, tình hình kinh tế của thành phố có bước chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2023 ước thực hiện 9,77% (trong đó: dịch vụ đạt 10,2%; công nghiệp và xây dựng đạt 9,2%; nông nghiệp giảm 1,07%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng (cơ cấu ngành dịch vụ chiếm 64,3%; công nghiệp - xây dựng chiếm 34,7%; nông nghiệp chiếm 1,0% trong giá trị các ngành kinh tế). Thương mại dịch vụ khẳng định là lĩnh vực mũi nhọn, công nghiệp là động lực, nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, sản xuất hàng hóa.

- Hoạt động xúc tiến kêu gọi đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực; công tác huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển tăng khá, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn thành phố trong 03 năm (2021-2023) đạt 19.756 tỷ đồng, tăng bình quân 28,8%/năm; đã huy động một số dự án đầu tư có quy mô khá lớn, góp phần thay đổi diện mạo đô thị thành phố. Thu ngân sách trên địa bàn đạt được kết quả tích cực, tổng thu ngân sách trên địa bàn sau khi loại trừ tiền sử dụng đất tăng bình quân giai đoạn 2021-2023 là 31,2%/năm (năm 2021 là 606.538 triệu đồng; năm 2022 là 695.892 triệu đồng, đạt 129,11% kế hoạch, năm 2023 ước đạt 721.000 triệu đồng) đặc biệt năm 2022 là năm đầu tiên thành phố đã tự cân đối được chi thường xuyên theo tiêu chí đô thị loại II.

- Công tác quy hoạch, quản lý đô thị và phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan được chú trọng triển khai thực hiện; huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, công tác trang trí đường phố kết hợp chỉnh trang đô thị đã được quan tâm thực hiện từ đó làm cho bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được tổ chức với quy mô lớn, nội dung phong phú, đa dạng, góp phần phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Tập trung thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; chỉ đạo triển khai xây dựng thành phố, phường đạt chuẩn đô thị văn minh và đăng ký xây dựng

tuyển phổ văn minh đô thị năm 2023. Công tác giáo dục đào tạo tiếp tục thực hiện Đề án phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Đông Hà giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch triển khai chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới đến năm 2025; Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục. Công tác giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên được quan tâm; thực hiện tuyển sinh và khai giảng các lớp nghề cho lao động trên địa bàn thành phố theo kế hoạch. Công tác y tế triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Y tế, Bộ Y tế; tổ chức tiêm vắc xin đảm bảo an toàn và hiệu quả. Tăng cường cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh công tác truyền thông về dân số. Kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động hành nghề y tế tư nhân.

- Cùng cố xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân ngày càng vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang trong sạch vững mạnh. Phát triển kinh tế xã hội kết hợp với củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh trong kế hoạch tổng thể của thành phố. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thành phố đạt kết quả xuất sắc, chỉ đạo diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp phường năm 2023 theo kế hoạch. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tổ chức nhiều đợt cao điểm trấn áp tội phạm, triệt phá được nhiều vụ án ma túy lớn trên địa bàn.

2.2.2. *Bổ sung thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực*

2.2.2.1. Nông nghiệp

Nông nghiệp đô thị phát triển theo hướng bền vững và hiệu quả; thành phố đã ban hành Đề án Phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn đến năm 2025; tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị. Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, liên kết doanh nghiệp trong sản xuất - chế biến tiêu thụ nông sản, tăng mạnh giá trị sản phẩm thu hoạch trên một đơn vị diện tích canh tác. Diện tích trồng lúa giảm do đô thị hóa, nhưng cơ cấu giống lúa có nhiều tiến bộ, tập trung đưa giống lúa năng suất cao, chất lượng cao vào sản xuất đạt trên 92% diện tích. Đã nhân rộng mô hình cánh đồng lớn với diện tích 70 ha; xây dựng mô hình sản xuất lúa hữu cơ, sản xuất lúa theo hướng liên kết trong tiêu thụ sản phẩm để nâng cao hiệu quả. Gieo trồng các chủng loại rau khá phong phú, chất lượng được chú trọng; trong đó vùng rau VietGAP (diện tích 5 ha) ở HTX Đông Thanh đem lại hiệu quả kinh tế cao (giá trị thu nhập bình quân đạt từ 600-700 triệu đồng/ha). Hàng năm, trồng được trên 40.000 chậu hoa các loại, gồm: hoa cúc, nho, thược dược, hoa hồng, dạ yến thảo, vạn thọ, đồng tiền, hoa chuông...; doanh thu hàng năm bình quân đạt trên 04 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân đạt trên 1,2 tỷ đồng. Tổng diện tích nuôi thủy sản ổn định khoảng 120 ha, trong đó diện tích nuôi tôm nước lợ từ 60 - 62 ha. Thành phố đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý vùng nuôi tôm trên địa bàn; tăng cường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng để làm tốt công

tác kiểm tra nguồn gốc, chất lượng con giống, xử lý ao hồ, phòng chống dịch bệnh; đã hỗ trợ xây dựng 4 mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn, bước đầu đem lại hiệu quả cao...

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2023 thực hiện 2.153,5 ha bằng 98,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích lúa thực hiện 1.854,6 ha, giảm 24 ha và bằng 98,7% so với năm 2022; năng suất lúa bình quân năm 2023 đạt 53,9 tạ/ha, tăng 1,3 tạ/ha và tăng 2,47% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng lúa năm 2023 đạt 10.013 tấn, tăng 133 tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2022. Diện tích gieo trồng cây thực phẩm rau màu và hoa các loại năm 2023 thực hiện 289,9 ha, giảm 2,1 ha và bằng 99,3% so với cùng kỳ năm trước; năng suất rau các loại đạt 117,6 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha; sản lượng đạt 2656,7 tấn, giảm 41 tấn so với cùng kỳ năm trước.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố năm 2023 thực hiện 104,9 ha, giảm 11,3 ha so với cùng kỳ năm trước. Đã triển khai xây dựng 04 các mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn đem lại hiệu quả bước đầu. Diện tích rừng trồng mới tập trung tính đến nay là 32,4 ha, bằng 36,5% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là rừng trồng mới của các hộ gia đình và các hợp tác xã trên diện tích đã khai thác trong năm.

2.2.2.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Sản xuất CN-TTCN trong 2 năm 2020 và 2021 gặp nhiều khó khăn và tăng trưởng chậm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; nhiều cơ sở sản xuất thiếu nguồn nguyên liệu, thiếu nhân công, lao động, đơn đặt hàng giảm, phải tạm ngừng hoạt động, cắt giảm công suất; các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất nhập khẩu, chế biến thực phẩm, đồ uống... gặp khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Bước sang năm 2022, nhờ kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19 và thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất, phục hồi kinh tế theo chính sách của Trung ương, của tỉnh, sản xuất CN-TTCN có nhiều chuyển biến tích cực; các doanh nghiệp đã mở rộng quy mô sản xuất, đẩy mạnh cải tiến công nghệ, máy móc, thiết bị, tìm kiếm mở rộng thị trường, củng cố hệ thống phân phối, trong đó có một số ngành có sản lượng tăng khá như: công nghiệp chế biến thực phẩm, cơ khí gia công, mộc dân dụng, ván ép... Trong 2 năm 2021 và 2022, bằng nguồn vốn khuyến công quốc gia, khuyến công tỉnh, thành phố đã khảo sát và hỗ trợ 24 dự án với tổng kinh phí hơn 2,3 tỷ đồng, đã góp phần giúp doanh nghiệp, hộ sản xuất thay đổi thiết bị máy móc, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Thành phố tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động khuyến công, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình phục hồi sản xuất. Năm 2023, giá trị sản xuất công nghiệp cá thể ước thực hiện 978.512 triệu đồng, đạt 75,9% kế hoạch năm và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2022.

2.2.2.3. Thương mại - dịch vụ

- Với quan điểm vừa phòng chống dịch Covid-19, vừa phát triển kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh tháo gỡ khó khăn, phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh theo chính sách của Trung ương, của tỉnh,

lĩnh vực thương mại, dịch vụ trên địa bàn đã dần phục hồi và phát triển trở lại; hoạt động tại Chợ Đông Hà được duy trì ổn định, các chợ phường đã phát huy tốt vai trò phục vụ dân sinh. Các loại hình dịch vụ ngày càng phát triển đa dạng, thương mại điện tử phát triển nhanh. Hoạt động du lịch, dịch vụ lưu trú, lễ hành phục hồi khá nhanh sau dịch Covid-19; các dịch vụ khác như vận tải, tư vấn kỹ thuật, tư vấn pháp lý, dược phẩm, khám chữa bệnh, giải trí, dịch vụ nông nghiệp... được phát triển, góp phần thoả mãn các nhu cầu đời sống sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và xây dựng phát triển đô thị.

- Công tác quản lý nhà nước về thương mại được tăng cường; chỉ đạo sáp nhập Chợ Phường 3 vào Chợ đêm Phường 3; xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trên địa bàn; triển khai kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thương mại, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2023 ước thực hiện 8.542 tỷ đồng, đạt 79,96% kế hoạch năm, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2022.

2.2.2.4. Huy động các nguồn vốn đầu tư

- Huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội được đặc biệt quan tâm triển khai thực hiện thông qua nhiều giải pháp như: thực hiện các hình thức liên doanh, liên kết, góp vốn, đẩy mạnh xã hội hóa trong huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển; khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng. Công bố rộng rãi danh mục các chương trình, dự án vận động, thu hút đầu tư. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn thành phố trong năm 2021 - 2023 thực hiện đạt 19.756 tỷ đồng, tăng bình quân 28,8%/năm. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 được phân bổ là: 361.114 triệu đồng. Đặc biệt, đã huy động được một số dự án đầu tư có quy mô khá lớn của các nhà đầu tư có thương hiệu, uy tín trên cả nước, bước đầu đã tạo bước đột phá trong việc thu hút đầu tư. Tích cực xây dựng chương trình quảng bá, danh mục các dự án xúc tiến đầu tư cụ thể để kêu gọi các dự án đầu tư xây dựng các Chợ và Trung tâm thương mại gắn với nâng cao chất lượng văn minh thương mại.

- Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư công được chú trọng, đảm bảo theo đúng quy định; đề cụ thể hóa nhiệm vụ đầu tư hạ tầng đô thị thành phố theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2020-2025, UBND thành phố đã kịp thời rà soát, xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình HĐND thành phố thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 làm cơ sở để triển khai đầu tư; qua 2 năm thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực, tổng nguồn vốn ngân sách thành phố đã phân bổ theo kế hoạch là 493.344 triệu đồng, đạt 32,5% vốn đầu tư công theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025; đã giải ngân 416.000 triệu đồng, đạt 85% kế hoạch vốn; việc phân bổ, quản lý, giải ngân và thành quyết toán nguồn vốn đảm bảo theo đúng quy định; góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thu ngân sách trên địa bàn đã đạt được kết quả tích cực trong điều kiện

nền kinh tế - xã hội cả nước nói chung và tỉnh, thành phố nói riêng chịu nhiều tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, thu ngân sách trên địa bàn sau khi loại trừ thu tiền sử dụng đất tăng bình quân giai đoạn 2020-2022 là 31,2%/năm. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2023 ước thực hiện 240.548 triệu đồng, đạt 45,99% dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 33,36% dự toán HĐND thành phố giao. Đặc biệt năm 2022 là năm đầu tiên thành phố đã tự cân đối được chi thường xuyên theo tiêu chí đô thị loại II. Công tác điều hành chi ngân sách đảm bảo theo dự toán đề ra, ngày càng chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định; tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp kinh tế, giáo dục, y tế... triển khai thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, các khoản chi tiêu bảo đảm đúng chế độ chính sách theo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành, phục vụ tốt cho thực hiện nhiệm vụ của thành phố cũng như đầu tư phát triển, hoạt động của bộ máy nhà nước. Công tác quản lý đầu tư công có nhiều tiến bộ, chất lượng và tiến độ thực hiện đảm bảo.

2.2.2.5. Văn hóa - xã hội

- Giáo dục và đào tạo: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Đồ án phát triển giáo dục và đào tạo thành phố giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030. Duy trì kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục ở các cấp học; chú trọng giáo dục toàn diện và bồi dưỡng, đào tạo học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; chú trọng giáo dục thể chất, y tế trường học; xây dựng văn hóa học đường, quan tâm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các công trình, cơ sở vật chất, kỹ thuật trường học. Trình độ đào tạo và chất lượng đội ngũ không ngừng được nâng lên. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông.

- Văn hoá, thông tin và thể dục thể thao:

+ Nhiệm vụ phát triển văn hóa, thông tin, thể thao gắn với mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện được chú trọng, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và thể chất của Nhân dân. Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hoá văn minh đô thị; hệ thống di tích trên địa bàn được quan tâm đầu tư, nâng cấp, bảo tồn. Nâng cao nghiệp vụ quản lý về di tích cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Hướng dẫn các phường tập trung khai thác và phát huy có hiệu quả các thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn. Chỉ đạo việc xây dựng tuyên phổ văn minh đô thị, tiếp tục triển khai xây dựng các kế hoạch, các nhóm giải pháp để phấn đấu đạt các tiêu chí, trình tự, thủ tục và phấn đấu được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 về

ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

+ Năng lực sản xuất, chất lượng phát sóng truyền thanh từng bước được nâng lên; cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư; hoạt động thông tin truyền thông có nhiều tiến bộ, đổi mới hình thức, nội dung theo đúng định hướng của Đảng và nhà nước, là công cụ lãnh đạo, chỉ đạo đặc lực của cấp ủy, chính quyền các cấp thành phố, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương và phản ánh được tâm tư nguyện vọng của nhân dân góp phần quan trọng trong việc định hướng dư luận xã hội, nâng cao dân trí.

- Y tế: Công tác phòng chống dịch Covid -19 và các dịch bệnh khác luôn được chú trọng quan tâm chỉ đạo để kịp thời khống chế, không để lan rộng và kéo dài ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của người dân. Các cơ sở y tế trên địa bàn đã được đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị, cán bộ được đào tạo nâng cao chuyên môn, mạng lưới y tế tư nhân ngày càng phát triển đã đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân; các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai hiệu quả, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo cân nặng giảm từ 4,3% (năm 2020) xuống còn 3,45% (năm 2022), tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo chiều cao giảm từ 4,9% (năm 2020) xuống còn 4% (năm 2022). Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường, kiện toàn Ban Chỉ đạo từ thành phố đến phường, thường xuyên tổ chức giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể trên địa bàn. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã có nhiều chuyển biến tích cực trong chỉ đạo điều hành, truyền thông, cung cấp dịch vụ nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

- Xã hội: Công tác chăm lo đời sống Nhân dân được quan tâm thực hiện tốt; tổ chức thăm, tặng quà các đối tượng chính sách trong các dịp tết Nguyên đán, Ngày Thương binh liệt sỹ đảm bảo chu đáo, kịp thời; giải quyết trợ cấp, cấp thẻ BHYT và thực hiện các chính sách đảm bảo chính xác, đúng đối tượng. Phong trào “đền ơn đáp nghĩa” huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng, và sửa chữa nhà tình nghĩa, tôn tạo các nghĩa trang liệt sỹ, chăm sóc người có công với cách mạng; các hoạt động hỗ trợ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được duy trì, tạo được sự quan tâm hưởng ứng của toàn xã hội. Thực hiện kịp thời chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/QĐ-TTg. Thẩm định danh sách, kinh phí theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ tiền thuê nhà đối với người lao động, đảm bảo chính sách thực hiện kịp thời, đúng quy định. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Đông Hà. Công tác tạo việc làm mới cho người lao động đã được triển khai thực hiện hiệu quả; tỷ lệ lao động qua đào tạo tính đến năm 2023 đạt trên 72%; tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2023 còn 1,56%. Hoạt động Hội Chữ thập đỏ đạt được những kết quả thiết thực, công tác hiến máu nhân đạo đạt hiệu quả cao.

2.2.3. *Đánh giá bổ sung dân số, lao động, việc làm và thu nhập*

2.2.3.1. Dân số

- Quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số: Theo số liệu thống kê, dân số trung bình năm 2023 thành phố Đông Hà 102.477 người, chiếm 15,66% dân số toàn tỉnh, mật độ dân số khoảng 1.402 người/km²; mật độ phân bố cũng không đồng đều, chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm thành phố.

- Trong những năm qua công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã có nhiều chuyển biến tích cực trong chỉ đạo điều hành, truyền thông, cung cấp dịch vụ nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

2.2.3.2. Lao động, việc làm

- Năm 2023, tổng số lao động trong độ tuổi khoảng 64.789 người chiếm khoảng 63,22% dân số toàn thành phố, trong đó lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 52.985 người (Nông, lâm, thủy sản: 4.150 người; công nghiệp và xây dựng: 15.992 người; dịch vụ: 32.844 người); có 92,17% lao động đang làm việc trong các ngành công nghiệp, kinh doanh, thương mại dịch vụ. Cơ cấu lao động theo ngành chuyển dịch theo xu hướng tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm dần, lao động công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng cao.

- Thông qua các kênh giới thiệu việc làm, cho vay vốn theo gói kích cầu của Chính phủ và trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, hàng năm thành phố giải quyết được việc làm cho khoảng 1.850 lao động.

+ Trong 3 năm (2021 - 2023), đã tạo việc làm mới cho là 4.810 lao động, trong đó: Lao động trong tỉnh: 3.796 người; Lao động ngoài tỉnh: 881 người; Xuất khẩu lao động: 133 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 72%.

2.2.4. *Đánh giá bổ sung công tác quản lý quy hoạch, phát triển đô thị*

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành Đồ án “Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045” và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023; hiện nay, thành phố đang tích cực lập điều chỉnh quy hoạch phân khu các phường phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị và giải quyết bức xúc của nhân dân; thực hiện tốt công tác công khai quy hoạch; tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị, Quy chế sử dụng một phần hè phố, trật tự đô thị, trật tự xây dựng.

- Nghiêm túc thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp trong quản lý trật tự xây dựng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng và trật tự đô thị; ban hành và thực hiện các kế hoạch về kiểm tra trật tự xây dựng, trật tự đô thị; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng. Duy trì lực lượng, bám sát địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, Quy chế quản lý một phần hè phố không vào mục đích giao thông, quản lý chặt chẽ quy hoạch đã phê duyệt, tổ chức cấp

phép xây dựng cho công trình, nhà ở riêng lẻ, cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè. Tổ chức lập Quy chế Quản lý kiến trúc đô thị thành phố Đông Hà.

2.2.5. Đánh giá bổ sung thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

Thời gian qua, thành phố đã tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nên bộ mặt đô thị có nhiều khởi sắc. Nhiều công trình, dự án đã được xây dựng hoàn thành góp phần cải thiện hạ tầng đô thị, như dự án cải tạo nâng cấp lưới điện, nhựa hóa các tuyến đường giao thông, cấp nước thoát nước, buro chính viễn thông, vệ sinh môi trường, khu đô thị mới, trụ sở các cơ quan, công viên, thiết chế văn hóa và thể dục thể thao. Hệ thống nhà xưởng sản xuất kinh doanh, khách sạn, nhà hàng, nhà ở của nhân dân được đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới.

- Đường đô thị gồm 171 tuyến với tổng chiều dài 167,52 km, các tuyến đường chính mặt đường chủ yếu Bê tông nhựa, rộng 10,5 - 20,0 m, hệ thống hệ đường điện chiếu sáng và cây xanh đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Ngoài một số đường trong thành phố đã được đầu tư xây mới và nâng cấp như: đường Hùng Vương hiện đã được xây dựng khá hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn đường chính đô thị với chiều dài khoảng 5,05 km, mặt đường bê tông nhựa rộng 17m, nền rộng 32 m; đường Điện Biên Phủ (QL9D) dài 6,5 km, mặt đường bê tông nhựa rộng 14 m; đường Lý Thường Kiệt, đường Lê Thánh Tông đã xây dựng hoàn chỉnh hệ và mặt đường bê tông nhựa. Các đường còn lại trong thành phố phần lớn mặt đường nhựa rộng trung bình 6,0 - 10,5 m, các tuyến trong khu đô thị cũ nhỏ hẹp và ngắn, tuy nhiên hệ thống vỉa hè, điện chiếu sáng và cây xanh đã hoàn chỉnh và đồng bộ.

- Cấp điện và chiếu sáng công cộng:

+ Thành phố Đông Hà nằm trong hệ thống điện toàn tỉnh Quảng Trị và được cung cấp nguồn từ hệ thống điện miền Trung. Thành phố Đông Hà được cung cấp nguồn năng lượng điện ổn định phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội thông qua trạm biến áp 220KV Đông Hà (220/115KV - 2x125MVA) thuộc lưới điện Quốc gia. Trên địa bàn thành phố có trạm 110KV Đông Hà 110/35/22KV - 2x40MVA, trạm được cấp điện bằng đường dây 110KV lộ kép từ trạm 220KV Đông Hà (125MVA), dây dẫn AC185. Vị trí trạm đặt cạnh khu công nghiệp Nam Đông Hà. Ngoài được cấp điện chính từ trạm 110KV Đông Hà còn lại tất cả các tuyến đường dây 35KV, 22KV sau trạm đã có liên kết mạch vòng kín vận hành hở với các trạm 110KV Quán Ngang, Vĩnh Linh, Diên Sanh, Khe Sanh đảm bảo chế độ N -1 cho thành phố Đông Hà. Độ phủ cấp điện đạt 100%.

+ Hệ thống chiếu sáng đô thị: Các trục đường chính của thành phố đã được lắp đặt đầy đủ lưới điện chiếu sáng, hệ thống điện chiếu sáng sử dụng chủ yếu là đèn LED và đèn Halogen, tổng chiều dài hệ thống lưới điện chiếu sáng là 114,6km. Tỷ lệ các trục đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%.

- Cấp nước đô thị: Nhà máy nước Tân Lương, thành phố Đông Hà được xây dựng năm 1977, đi vào hoạt động năm 1978 và cải tạo năm 1999 với công suất 15.000 m³/ngày đêm nhằm cấp nước cho khu vực thành phố Đông Hà (gồm

phường Đông Lương, phường 1, 3, 4, 5) và một phần các xã Triệu Độ, Triệu Thuận của huyện Triệu Phong và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 06/11/2007 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cho phép khai thác, sử dụng nước mặt. Do nhu cầu sử dụng nước của người dân tăng cao, UBND tỉnh Quảng Trị có văn bản số 4523/UBND-CN ngày 27/9/2021 về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tân Lương với quy mô công suất từ 15.000 m³/ngày đêm lên 28.500 m³/ngày.đêm. Nhà máy đã đi vào hoạt động tháng 6/2023. Chỉ tiêu cấp nước hiện đạt 120 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ dân số khu vực nội thành được cấp nước sạch 100%.

Ngoài ra, hiện nay thành phố có sử dụng nguồn nước máy từ nhà máy nước Gio Linh nhằm bổ sung nguồn nước cho thành phố tại một số phường Đông Giang, Đông Thanh.

- Thoát nước và xử lý nước thải đô thị:

+ Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố hiện nay là hệ thống thoát nước chung cho nước thải và nước mưa tuy nhiên tại các hộ dân cư đều có bể tự hoại từ 2 đến 4 ngăn, nước thải sinh hoạt đều được lọc, lắng sơ bộ trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung. Tại các tuyến cống thoát nước chung đều có nắp đậy, hệ thống ga thu, ga thăm đầy đủ đảm bảo không gây ô nhiễm không khí trong khu dân cư. Tổng chiều dài hệ thống cống thoát nước của thành phố hiện có khoảng 105,035 km, mật độ đường cống thoát nước đạt 4,52 km/km²

+ Hiện thành phố có 01 trạm xử lý nước thải được đặt tại phường 2 có công suất xử lý 5.000 m³/ngày đêm, phục vụ cho lưu vực 1, 2, 4, 5, 6. Còn các lưu vực khác, nước thải được thoát chung với nước mưa và xả ra sông, hồ theo hình thức tự thấm.

- Công viên cây xanh và không gian công cộng: Thành phố luôn chú trọng trong việc đầu tư phát triển các không gian công cộng là nơi sinh hoạt cộng đồng cho người dân, là địa điểm rèn luyện, tập thể dục, thể thao tạo nếp sống lành mạnh trong nhân dân. Đến nay, thành phố có 01 Quảng trường; 02 Công viên chuyên đề; cùng với 15 vườn hoa phân bố đều ở các khu dân cư trên địa bàn thành phố.

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Hiện nay, trên toàn thành phố Đông Hà chưa có nhà tang lễ, chưa có cơ sở hỏa táng mà chủ yếu sử dụng hình thức địa táng, cát táng, về lâu dài, gây ô nhiễm nguồn đất. Kết quả điều tra cho thấy, trên địa bàn thành phố Đông Hà hiện có khoảng 22 khu nghĩa trang tập trung tự phát được hình thành từ sau 1975 đến nay với diện tích khoảng 155,47 ha và 3 nghĩa trang nhân dân là nghĩa trang nhân dân Phường 4; nghĩa trang nhân dân phường Đông Lương với tổng diện tích 64 ha và nghĩa trang Sơn Trang Vĩnh Hằng, với tổng diện tích hơn 33 ha. Ngoài ra, còn rất nhiều khu vực nghĩa trang tự phát, quy mô nhỏ, nằm rải rác trên địa bàn thành phố. Lãng mộ tại các khu vực này được xây dựng hoàn toàn tự phát, không theo quy hoạch, chủ yếu theo phong tục tập quán của địa phương nên gây lãng phí quỹ đất và không đảm bảo các tiêu chí theo

QCVN 07:2010/BXD. Đến nay diện tích nghĩa trang thành phố Đông Hà đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

2.3. Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

2.3.1. Các hiện tượng thiên tai và thời tiết cực đoan

- Biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, thiên tai cực đoan, khó lường như thời tiết rét đột ngột, mưa lũ cực đoan, dị thường, giông sét, nắng nóng gay gắt gây hạn hán diện rộng ... là những loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Trị làm ảnh hưởng nặng nề đến sinh mạng người dân và đời sống sản xuất, nhiều công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, hệ thống điện ... bị ngập, hư hỏng nặng nề, sạt lở bờ sông tiếp tục xảy ra nghiêm trọng với các sông Thạch Hãn, sông Hiếu.

- Trong những năm qua biến đổi khí hậu đã có những biểu hiện rõ rệt ở Việt Nam như nhiệt độ bề mặt trái đất tăng lên, trong vòng 50 năm qua nhiệt độ trung bình năm của Việt Nam đã tăng lên từ 0,5 đến 0,7⁰C; mưa bão diễn biến bất thường theo không gian và thời gian, sự thay đổi về tổng lượng mưa tháng và mưa năm không thể hiện xu thế tăng hay giảm nhưng cường độ mưa đang có xu hướng tăng lên rõ rệt, những vùng mưa nhiều, lượng mưa trở nên nhiều hơn, cường độ mưa lớn hơn; mực nước biển dâng cao...

- Đông Hà là một trong những thành phố chịu ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu được biểu hiện ở chiều hướng tăng của nhiệt độ, tăng mực nước biển, thay đổi chế độ mưa, thay đổi lượng mưa, thay đổi chế độ gió, tất cả đều theo chiều hướng mạnh lên cùng với nguy cơ làm tăng các thảm họa thiên nhiên.

- Biến đổi khí hậu làm tần suất bão, mưa lũ gia tăng. Những năm gần đây, bão có cường độ mạnh xuất hiện nhiều hơn. Trận mưa lũ năm 2020 có thể nói là thảm họa thiên tai. Lượng mưa kỷ lục, đỉnh lũ vượt lũ lịch sử và sạt lở đặc biệt nghiêm trọng là những gì đã diễn ra ở tỉnh Quảng Trị từ ngày 6 tháng 10 đến ngày 22 tháng 10 năm 2020. Cụ thể, đợt mưa lũ vừa qua, lượng mưa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phổ biến từ 1.500mm - 2.200mm; có nơi cao hơn. Mưa lớn, khiến lũ trên các sông đều lên nhanh và đạt đỉnh phổ biến ở mức xấp xỉ báo động 3 và trên báo động 3, riêng sông Hiếu (đo tại trạm Thủy văn Đông Hà) vượt đỉnh lũ lịch sử năm 1983 (5,48m) 0,78m.

- Biến đổi khí hậu làm gia tăng nhiệt độ, số đợt hạn hán. Gió Tây Nam khô nóng hàng năm tập trung chủ yếu từ tháng 3 - 8 (thời gian xảy ra hạn hán tập trung chủ yếu vào các tháng 3 - 4 và 7 - 8). Số liệu quan trắc khí tượng tại trạm Đông Hà cho thấy hầu như năm nào cũng xảy ra tuần hạn và đợt hạn, khoảng 8,2 năm có một năm có tháng hạn và khoảng 5,6 năm có 1 năm có mùa hạn.

+ Trung bình mỗi năm có 7,87 tuần hạn, trung bình mỗi tháng có 0,66 tuần hạn (tức là trung bình trong 3 tháng xảy ra 2 tuần hạn); tuần hạn chủ yếu xảy ra vào các tháng mùa khô 1 - 7.

+ Trung bình mỗi năm có 3 đợt hạn; đợt hạn chủ yếu xảy ra vào các tháng mùa khô 1 -7, rất hy hữu xảy ra vào các tháng 8, 9, 11 và 12;

+ Tần suất hạn tháng như sau: Các tháng mùa khô là 13,8%; các tháng mùa mưa là 12,1%; hạn các tháng trong năm là 12,2%; tháng hạn chủ yếu xảy ra vào các tháng mùa khô 1 - 8.

+ Hạn trong mùa chỉ xảy ra trong mùa khô với tần suất 17,9% (khoảng 5,6 năm xảy ra 1 lần).

+ Tháng hạn xác định theo chỉ số mưa tích lũy và hệ số khô hạn cho thấy tần suất khô hạn theo các chỉ số này cao hơn nhiều so với tần suất tính toán theo các chỉ số khác. Điều đó cho thấy sự biến động về mưa tháng rất lớn theo thời gian giữa các năm.

- Biến đổi khí hậu làm gia tăng lũ lụt. Mùa lũ lụt chính vụ thường xảy ra khoảng từ giữa tháng 9 đến đầu tháng 12 hàng năm. Tuy nhiên, những năm gần đây do ảnh hưởng biến đổi khí hậu nên trên địa bàn thường xảy ra lũ sớm vào giữa tháng 8 đến đầu tháng 9 và lũ muộn từ cuối tháng 12 đến đầu tháng 1. Sông Hiếu có chiều dài khoảng 70 km và lưu vực 465 km², đoạn chạy qua thành phố rộng từ 150 - 200m, dài khoảng 8km. Do ở thượng nguồn, lưu lượng của sông bất thường nên mùa mưa thì lũ quét, đến mùa khô thì lòng sông có chỗ cạn lợi qua được đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, nên cần có những quy hoạch sử dụng đất trong tương lai phù hợp để phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra lưu lượng, dòng chảy của sông Vĩnh Phước, sông Thạch Hãn và các hồ đập cũng bị tác động ảnh hưởng do lượng mưa thất thường... ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của người dân.

- Các hiện tượng khí hậu cực đoan đã và đang ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, do vậy để đảm bảo đời sống cho nhân dân sản xuất nông nghiệp, bù lại diện tích đất nông nghiệp chuyển sang các mục đích khác...; quy hoạch đất nông nghiệp đến năm 2030 cần hoạch định những khu vực sản xuất chuyên canh tập trung (vùng chuyên canh lúa, vùng chuyên canh hoa, vùng chuyên canh rau, màu, vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản, vùng chuyên canh trang trại, gia trại,...) mang tính sản xuất hàng hóa cao.

2.3.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất

2.3.2.1. Thách thức của biến đổi khí hậu

- Biến đổi khí hậu và nước biển dâng là một trong những thách thức lớn nhất hiện nay đối với tất cả các nước trên thế giới. Là tỉnh miền Trung có chiều dài bờ biển 75 km, có đặc điểm về khí hậu và địa hình phức tạp, Quảng Trị là một trong các tỉnh thường chịu các loại hình thiên tai với tần suất và mức độ lớn so với cả nước. Trong đó, nhiều nhất là bão, lũ lụt, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lốc xoáy, giông sét, sạt lở đất ...

- Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến đất đai. Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến đất thể hiện ở lượng nước mưa và nhiệt; ảnh hưởng gián tiếp thông qua sinh vật. Biến đổi khí hậu gây rối loạn chế độ

mưa, nguy cơ nắng nóng nhiều hơn, làm cho lượng dinh dưỡng trong đất bị mất cao hơn, hiện tượng xói mòn, khô hạn nhiều hơn. Nước biển dâng, thiên tai, bão lũ gia tăng sẽ làm tăng hiện tượng nhiễm mặn, ngập úng, sạt lở bờ sông, bờ biển ảnh hưởng nghiêm trọng tới tài nguyên đất.

- Biến đổi khí hậu gây rối loạn chế độ mưa nắng, nguy cơ nắng nóng nhiều hơn, lượng mưa thay đổi, lượng dinh dưỡng trong đất bị mất cao hơn trong suốt các đợt mưa dài, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ. Những thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa, thời điểm mưa và những thay đổi về hình thái trong chu trình nước: Mưa - nước bốc hơi... đều dẫn đến sự thay đổi cơ chế ẩm trong đất, lượng nước ngầm và các dòng chảy. Ngược lại, việc sử dụng đất đai cũng có ảnh hưởng đối với sự thay đổi các yếu tố khí hậu. Lượng phát thải khí nhà kính do sử dụng đất, chặt phá dẫn đến suy thoái rừng... là những nguyên nhân tác động đến sự nóng lên của toàn cầu.

- Sự không đồng nhất về địa hình, địa mạo, thổ nhưỡng cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội đã tạo nên những vùng lãnh thổ đặc trưng, đồng thời cũng gặp phải những tác động của sự thay đổi các yếu tố khí hậu đến tài nguyên đất khác nhau. Nguyên nhân của chúng không thể khẳng định hoàn toàn là do biến đổi khí hậu nhưng cũng không thể phủ nhận là không chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

2.3.2.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành

- Tác động đến đất sản xuất nông nghiệp

+ Biến đổi khí hậu là mối đe dọa lớn với nông nghiệp và hậu quả là chúng ta có nguy cơ đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực. Nông nghiệp là một trong những thế mạnh của tỉnh, các cây trồng chính như cây lúa nước, tiêu, cà phê, cao su, cây dược liệu. Tuy vậy, diện tích và năng suất của các loại cây này thường không ổn định do ảnh hưởng của thời tiết, hạn hán, xâm nhập mặn, lụt, bão và mưa lớn.

+ Biến đổi khí hậu đã và đang tác động mạnh mẽ đến ngành trồng trọt, rõ ràng nhất là làm giảm diện tích đất canh tác, gây ra tình trạng hạn hán và sâu bệnh, gây áp lực lớn cho sự phát triển của quá trình trồng trọt. Những đợt hạn hán và nóng kéo dài liên tiếp xảy ra những năm gần đây cho thấy mức độ gia tăng ngày càng lớn của tình trạng biến đổi khí hậu. Hạn hán làm giảm 20 - 30% năng suất cây trồng, giảm sản lượng lương thực, ảnh hưởng nghiêm trọng tới chăn nuôi và sinh hoạt của người dân.

+ Đất nông nghiệp bị tổn thất do tác động trực tiếp và gián tiếp của biến đổi khí hậu (khô hạn, ngập úng, nhiễm mặn, nhiễm phèn, sạt lở). Sự giảm dần cường độ lạnh trong mùa đông, tăng cường thời gian nắng nóng chắc chắn sẽ dẫn đến mất dần hoặc triệt tiêu tính phù hợp giữa các tập đoàn cây, con trên các vùng sinh thái; làm chậm đi quá trình phát triển nền nông nghiệp hiện đại sản xuất hàng hóa và đa dạng hóa cũng như làm thay đổi nền nông nghiệp truyền thống.

+ Cơ cấu sử dụng một số loại đất nông nghiệp có sự thay đổi, diện tích một số loại sử dụng đất sẽ phải chuyển sang các hình thức sử dụng khác. Sự thu hẹp đất canh tác, làm giảm khả năng duy trì diện tích đất trồng cây lương thực đặc biệt là đất trồng lúa. Sản lượng của các ngành nông nghiệp phụ thuộc vào mưa có thể giảm đi một nửa. Dưới sự thay đổi nhiệt độ, lượng mưa, nước biển dâng... làm cho đất bị khô hạn, nhiễm mặn, các loài cây ngũ cốc như ngô, lúa,... dễ bị tổn thất năng suất. Sản xuất lương thực có khả năng không đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước nếu không có giải pháp quyết liệt trong việc bảo vệ đất canh tác cây lương thực, đặc biệt là đất trồng lúa nước.

- Tác động đến đất lâm nghiệp

+ Biến đổi khí hậu làm thay đổi cơ cấu tổ chức rừng; cơ cấu rừng liên quan mật thiết với cơ chế khí hậu và do đó với khí hậu có những biến động cơ bản như nâng cao nền nhiệt độ, lượng mưa, lượng bốc hơi, gia tăng bão, các cực trị nhiệt độ, cường độ mưa và suy giảm chỉ số ẩm ướt... chắc chắn dẫn đến những hậu quả to lớn.

+ Với nền nhiệt độ cao hơn, lượng bốc hơi nhiều hơn, đặc biệt là thời gian và cường độ khô hạn gia tăng nhanh chóng làm cho nguy cơ cháy rừng trở nên ngày một nghiêm trọng, các quá trình hoang mạc hóa phát triển làm suy giảm nghiêm trọng chất lượng đất, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng rừng.

+ Rừng có tác dụng điều hòa khí hậu, duy trì sự tồn tại của thực vật rừng, hệ sinh thái, bảo vệ, tăng độ phì cho đất, điều hòa nguồn nước, giảm dòng chảy bề mặt, tăng lượng nước ngầm, hạn chế hiện tượng lắng đọng, dòng sông, lòng hồ, do vậy rừng có vai trò quan trọng trong việc chống lại hiện tượng nóng dần lên của trái đất. Diện tích đất rừng của Đông Hà chủ yếu là rừng sản xuất và rừng phòng hộ. Quy hoạch bảo vệ diện tích rừng hiện có, bảo vệ ổn định diện tích rừng, độ che phủ rừng hiện có góp phần làm giảm tác động của biến đổi khí hậu.

+ Nguy cơ chuyển dịch diện tích đất lâm nghiệp sang đất dành cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác là tác động gián tiếp song có thể coi là tác động lớn nhất đối với đất lâm nghiệp.

- Tác động đến nuôi trồng thủy sản

+ Làm thay đổi môi trường tự nhiên, dẫn đến biến đổi đa dạng sinh học, tập tính sống của động vật thủy sinh, biến động nguồn giống trong tự nhiên; đặc biệt khi nhiệt độ quá 40°C, động vật nuôi trong các ao hồ chậm lớn, thậm chí bị chết, ảnh hưởng đến năng suất sản lượng nuôi trồng, các chủng vi khuẩn, nấm phát triển mạnh, gây ra dịch bệnh và hiện tượng phú dưỡng trong ao nuôi ...

+ Nhiệt độ ở các thủy vực nuôi trồng thủy sản tăng lên ở mức cao hơn do nhiệt độ nước sông tăng. Hậu quả là hàm lượng ôxy trong nước giảm nhanh, làm chậm tốc độ sinh trưởng của thủy sản, gây bất lợi cho các thủy sinh đã thích nghi với môi trường thủy sản từ trước đến nay. Ngoài ra, quá trình khoáng hóa các chất hữu cơ nhanh hơn cũng ảnh hưởng đến chất lượng thức ăn của thủy sinh.

+ Cường độ mưa lớn hơn cũng làm thay đổi dòng chảy mặt, lượng nước và chất lượng nước các sông, suối, ao, hồ. Trong trường hợp mưa quá lớn, các điều kiện thủy lý và thủy hóa có thể thay đổi, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống và tốc độ phát triển của thủy sinh. Ngoài ra, lượng bốc hơi tăng lên và hạn hán gia tăng cũng làm hao hụt nhanh chóng lượng nước trong các ao hồ và thủy vực nuôi trồng thủy sản, sản lượng nuôi trồng thủy sản giảm đi rõ rệt.

Do vậy, quy hoạch sử dụng đất thành phố Đông Hà cần phải bố trí sử dụng đất phù hợp. Cần dành quỹ đất để xây dựng các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu như: Xây dựng các hệ thống thủy lợi cung cấp nước tưới trong mùa khô, hệ thống tiêu thoát nước trong mùa mưa, tăng cường mảng xanh, trồng cây xanh dọc theo hành lang an toàn bờ sông. Ngoài ra, quy hoạch gìn giữ diện tích sông, suối, hồ phù hợp góp phần điều hòa khí hậu, môi trường, tưới tiêu phục vụ sản xuất,... để thích ứng và giảm thiểu tác động trực tiếp và gián tiếp của biến đổi khí hậu.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH (NĂM 2023)

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Công tác quản lý đất đai luôn được cấp uỷ và chính quyền thành phố quan tâm chú trọng, từng bước đi vào nề nếp, hình thành hệ thống quản lý đất đai từ thành phố đến các phường, đảm bảo việc quản lý đất đai ngày càng chặt chẽ và hiệu quả.

3.1.1. Ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về quản lý, sử dụng đất đai

- Từ khi Luật Đất đai 2013 có hiệu lực, Ủy ban nhân dân thành phố đã chủ động chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường tổ chức triển khai thực hiện Luật Đất đai 2013, các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013 và tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, nhân dân trên địa bàn thành phố.

- Để cụ thể hóa các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Cụ thể, ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai; Chỉ thị tăng cường công tác quản lý việc chôn cất mộ mã, xây dựng lăng mộ trên địa bàn thành phố; Đề án quản lý, sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa; Văn bản chỉ đạo về tăng cường công tác quản lý quỹ đất chưa sử dụng, đất công ích và các văn bản khác... Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đông Hà.

- Đã tập trung chỉ đạo rà soát, cắm mốc thực địa, hoàn thiện hồ sơ quản lý quỹ đất chưa sử dụng xen kẽ trong khu dân cư; tăng cường quản lý chặt chẽ, hạn chế được tình trạng lấn chiếm và xây dựng phương án khai thác sử dụng có hiệu quả quỹ đất này. Thực hiện thống kê, bổ sung hoàn thiện hồ sơ quản lý quỹ đất công ích; từng bước chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng đất công ích đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; tiến hành thống kê, lập hồ sơ quản lý gần 48 ha đất công ích tại địa bàn các phường có đất nông nghiệp.

3.1.2. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện; ngày 27/4/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 964/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Đông Hà.

- Hàng năm, trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất của thành phố đã được duyệt, tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định. Cụ thể:

+ Năm 2021: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Đông Hà.

+ Năm 2022: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Đông Hà.

+ Năm 2023: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Đông Hà.

3.1.3. Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

- Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố hướng dẫn các phường thực hiện chỉnh lý biến động đất đai, thống kê, kiểm kê đất đai hàng năm và định kỳ; báo cáo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai cho Sở Tài nguyên và Môi trường Đông Hà theo quy định.

- Công tác thống kê được tiến hành hàng năm (năm 2021 và năm 2022) theo đúng quy định của pháp luật; số liệu, sản phẩm thống kê đất đai được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu đảm bảo chất lượng.

- Công tác kiểm kê đất đai được tiến hành theo định kỳ 5 năm, hiện nay đã hoàn thành kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn thành phố được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu đảm bảo chất lượng.

- Công tác theo dõi, cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai thực hiện đầy đủ, kịp thời với cơ quan đầu mối chủ trì là Văn phòng Đăng ký đất đai (tỉnh và thành phố), thực hiện trên bản đồ số dùng chung và chia sẻ thông tin cho Ủy ban

nhân dân các phường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thông qua môi trường mạng.

- Đã hoàn thành Đo vẽ lại bản đồ địa chính 9/9 phường, sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2021, làm cơ sở cho việc lập hồ sơ địa chính và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất những năm tiếp theo.

3.1.4. Đăng ký đất đai, quản lý hồ sơ địa chính và xây dựng hệ thống thông tin đất đai

- Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 105 Luật Đất đai 2013. Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận cho tổ chức, cấp đổi lại giấy chứng nhận. Căn cứ pháp lý công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân theo đúng quy định tại Điều 100 và Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 20, Điều 22 và Điều 23 Nghị định 43/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thực hiện đăng ký và giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật. Từ năm 2021-2023, đã giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 734 trường hợp. Tích cực phối hợp với tỉnh điều chỉnh bộ thủ tục hành chính về đất đai theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian giải quyết, phân công trách nhiệm và thời gian xử lý hồ sơ cụ thể cho từng đơn vị; triển khai phần mềm một cửa điện tử; dự án dân chấm điểm M-Score, từng bước hạn chế được tình trạng giải quyết hồ sơ chậm trễ, giảm xuống còn dưới 1%.

- Công tác quản lý hồ sơ địa chính được quan tâm chú trọng. Tại Ủy ban nhân dân các phường đã từng bước rà soát, thống kê, bổ sung, củng cố hồ sơ tài liệu về bản đồ (1993, 2001), sổ mục kê, sổ địa chính, sổ đăng ký ruộng đất và các giấy tờ có liên quan về sử dụng đất của người dân. Tại các cơ quan thành phố (Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố) đã thực hiện cập nhật, lưu trữ có hệ thống hồ sơ địa chính qua từng thời kỳ đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa.

- Đẩy mạnh ứng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai, thực hiện số hóa (scan) 35.800 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đảm bảo lưu trữ lâu dài và thuận lợi trong tra cứu thông tin; xây dựng, bổ sung hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai 9/9 phường; cải tiến và nâng cao hiệu quả, tính kịp thời, tính chính xác trong việc chỉnh lý biến động đất đai thông qua một đầu mối tại văn phòng đăng ký đất đai và sử dụng bản đồ chỉnh lý dạng số dùng chung từ tỉnh đến phường.

3.1.5. Thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định thu hồi đất đối với người sử dụng đất thuộc các dự án vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo đúng thẩm quyền quy định của pháp

luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trình tự thủ tục thu hồi đất cơ bản đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Từ năm 2021 - 2023, đã quyết định thu hồi 78 công trình, dự án với tổng diện tích thu hồi 94,93 ha, số hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng thu hồi đất 1.441 trường hợp để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn.

- Công tác bố trí giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất đảm bảo đúng đối tượng, phù hợp với người có đất thu hồi. Một số dự án trong quá trình triển khai chưa kịp bố trí đất để tái định cư khi quyết định thu hồi đất; tuy nhiên các dự án này khi tổ chức công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đều đã được dự kiến khu đất bố trí, phương thức bố trí và đã được người dân đồng tình. Sau khi hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu đất, Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt phương án giao đất tái định cư và đã giao đất tại thực địa cho người được bố trí tái định cư. Từ năm 2021-2023, đã thực hiện giao đất tái định cư cho 35 trường hợp, với diện tích 0,36 ha.

- Công tác giải phóng mặt bằng trong những năm qua đã được các cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội từ thành phố đến cơ sở chung tay vào cuộc một cách quyết liệt và đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng để triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn.

3.1.6. Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

- Giao đất: Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thẩm quyền giao đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 và Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 đối với các đối tượng thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất cho các đối tượng được tái định cư; giao đất cho các đối tượng được quy định tại Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh; giao đất cho các đối tượng thuộc chế độ chính sách được quy định tại Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Từ năm 2021-2023, thực hiện giao đất cho 148 trường hợp, với tổng diện tích 2,54 ha, trong đó:

- Cho thuê đất: Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thẩm quyền thuê đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 đối với những trường hợp nhận chuyển nhượng tài sản trên phần đất đã được Nhà nước cho thuê; đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất thương mại dịch vụ để phục vụ mục đích trồng rừng và sản xuất kinh doanh; đất trồng cây lâu năm và đất trồng cây hàng năm khác theo Khoản 5, Điều 20 Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Từ năm 2021 - 2023, thực hiện cho 14 hộ gia đình, cá nhân thuê đất, với diện tích 14,43 ha.

- Chuyển mục đích sử dụng đất: Căn cứ vào thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013, căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết 1/500 đã được duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. Trong đó, phần lớn là các trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ đất phi nông nghiệp không phải là

đất ở, đất trồng cây hàng năm sang đất ở. Từ năm 2021 - 2023, quyết định cho phép 239 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, với tổng diện tích gần 6,1 ha.

3.1.7. Quản lý tài chính về đất đai

- Việc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu các khoản phí, lệ phí... đều được thực hiện đúng quy định của Nhà nước. Mọi khoản thu đều thông qua cơ quan Thuế và kho bạc Nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ. Một phần tài chính thu được từ đất được bố trí phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai và phần lớn còn lại được bố trí để xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, các mục đích phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Tổng số thu ngân sách nhà nước từ đất (2021 - 2023) trên địa bàn thành phố là 1.760 tỷ đồng (thu vào ngân sách tỉnh 1030 tỷ đồng, thu vào ngân sách thành phố 730 tỷ đồng), bình quân thu được hơn 586 tỷ đồng/năm. Trong đó:

- + Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất các khu cơ sở hạ tầng 1.500 tỷ đồng.
- + Thu từ tiền thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất 235 tỷ đồng.
- + Thu từ thuế sử dụng đất 25 tỷ đồng.

- Việc quản lý nguồn thu và chi từ đất đảm bảo chặt chẽ, theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; hàng năm, các cơ quan đơn vị lập dự toán thu và chi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để tổ chức thực hiện. Trong đó khoản thu từ tiền thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thuế sử dụng đất 260 tỷ đồng được bố trí nhiệm vụ chi thường xuyên; khoản thu từ đấu giá 1.500 tỷ đồng, dành 10% chi phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, phần lớn còn lại bố trí cho nhiệm vụ chi đầu tư phát triển.

3.1.8. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ hành chính, lập bản đồ hành chính

Thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính". Đến nay đã thực hiện hoàn thành, đồng thời công bố diện tích tự nhiên của các cấp hành chính. Hồ sơ được lập, lưu trữ và quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Đã thống nhất đường địa giới hành chính giữa phường Đông Thanh và xã Thanh An, huyện Cam Lộ và được UBND phường Đông Thanh, UBND thành phố Đông Hà và UBND xã Thanh An, UBND huyện Cam Lộ ký xác nhận vào hồ sơ địa giới hành chính.

3.1.9. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

- Căn cứ vào quy định của pháp luật nói chung và Luật Đất đai 2013 nói riêng, trong những năm qua các cấp, các ngành trong địa bàn thành phố đã và đang quản lý, giám sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày một tốt hơn. Điều đó thể hiện ở việc các cấp uỷ đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, ban hành các chỉ thị, nghị quyết và cụ thể hoá

các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai thực hiện ở địa phương, đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp của người dân, đồng thời cũng động viên và huy động được nhân dân tham gia đóng góp nghĩa vụ với nhà nước bằng việc thực hiện tốt các chính sách thuế.

- Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra tình trạng lấn chiếm đất công; một số hộ gia đình mua, bán chuyển nhượng và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang làm đất ở, đất sản xuất kinh doanh không thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước. Chính quyền cơ sở chưa thường xuyên theo dõi nắm chắc tình hình biến động đất đai, vẫn còn phát sinh nhiều vụ việc tranh chấp đất đai chưa được giải quyết kịp thời, việc tổ chức triển khai tuyên truyền chính sách pháp luật đất đai hiệu quả chưa cao.

3.1.10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý sử dụng đất được thành phố quan tâm, nhằm phát hiện những hạn chế trong quản lý sử dụng đất để có các giải pháp khắc phục kịp thời. Ủy ban nhân dân thành phố đã nghiêm túc thực hiện Quyết định số 1675/QĐ-TTg ngày 29/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tăng cường xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng đất đai giai đoạn đến năm 2020. Qua đó phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và đề ra các biện pháp khắc phục.

- Đã tiến hành thanh tra, chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai tại 9/9 UBND phường. UBND thành phố đã tiến hành thanh tra đột xuất tình hình quản lý, sử dụng đất và thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với 9/9 phường, xử lý các sai phạm về cho thuê đất không đúng quy định, buông lỏng quản lý. Chủ động tổ chức kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật trong quá trình sử dụng đất đối với 25 hộ gia đình, cá nhân và tổ chức trên địa bàn, trong đó: 19 hộ gia đình, cá nhân, 06 tổ chức.

3.1.11. Tiếp nhận, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai

- Xác định công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn thư luôn luôn là nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, gắn với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện nghiêm việc tiếp công dân, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân tại cơ sở. Người đứng đầu cơ quan đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường đã quan tâm hơn đến công tác giải quyết đơn thư, góp phần đưa công tác giải quyết đơn thư khá tốt, tình trạng đơn thư tồn đọng, kéo dài giảm đáng kể. Công tác chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác giải quyết đơn thư được thực hiện thường xuyên, qua đó nâng cao hiệu quả việc giải quyết đơn thư của công dân.

- Số lượng tiếp công dân, giải quyết đơn thư lĩnh vực đất đai từ năm 2021 - 2023 như sau:

+ Năm 2021: Tổng số đơn tiếp nhận và giải quyết là 325 đơn/330 vụ việc,

trong đó lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng là 246 vụ việc (chiếm 75,6%).

+ Năm 2022: Tổng số đơn tiếp nhận và giải quyết là 330 đơn/328 vụ việc, trong đó lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng 239 vụ việc (chiếm 72,4%).

+ Năm 2023: Tổng số đơn tiếp nhận và giải quyết là 298 đơn/262 vụ việc, trong đó lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng 169 đơn (chiếm 56,7%).

3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất

Theo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất năm 2023, tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố là 7.308,53 ha. Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 3.914,29 ha chiếm 53,56% tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 3.125,08 ha, chiếm 42,76% tổng diện tích đất tự nhiên; đất chưa sử dụng là 269,15 ha, chiếm 3,68% tổng diện tích đất tự nhiên. Hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất theo từng loại đất cụ thể như sau:

3.2.1. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất nông nghiệp

Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất nông nghiệp cụ thể ở Bảng 1 dưới đây

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất nông nghiệp

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Diện tích năm 2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Cơ cấu diện tích năm 2023 (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.000,85	3.914,29	-86,56	53,56
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.075,80	1.042,34	-33,46	26,63
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.065,89</i>	<i>1.032,56</i>	<i>-33,33</i>	<i>26,38</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	451,93	438,38	-13,56	11,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15,82	13,01	-2,81	0,33
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	343,69	75,91	-267,78	1,94
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.972,61	2.203,23	230,62	56,29
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	118,64	119,05	0,41	3,04
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	22,36	22,36	0,00	0,57

3.2.1.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp là 3.914,29 ha, chiếm 53,56% diện tích đất tự nhiên, cụ thể:

- Đất trồng lúa 1.042,34 ha, chiếm 26,63% diện tích đất nông nghiệp; phân bố chủ yếu ở các cánh đồng phía Đông và phía Bắc thành phố, thuộc các phường Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lễ, Đông Lương và Phường 2; với diện tích

đất lúa này, vừa đảm bảo cung cấp đủ lương thực cho nhu cầu của người dân đô thị, vừa bán ra thị trường bên ngoài.

- Đất trồng cây hàng năm khác 438,38 ha, chiếm 11,20% diện tích đất nông nghiệp; phân bố chủ yếu ở các phường Đông Giang, Đông Thanh... đây là phần diện tích mang lại hiệu quả kinh tế khá cao, cung cấp sản phẩm rau, hoa và cây thực phẩm cho nhu cầu của người dân thành phố.

- Đất trồng cây lâu năm 13,01 ha, chiếm 0,33% diện tích đất nông nghiệp; chủ yếu là trồng các loại cây ăn quả như cam, quýt... phân bố chủ yếu ở Phường 3 và phường Đông Lương.

- Đất rừng phòng hộ 75,91 ha, chiếm 1,94% diện tích đất nông nghiệp; tập trung ở Phường 3.

- Đất rừng sản xuất 2.203,23 ha, chiếm 56,29% diện tích đất nông nghiệp; được phân bố tập trung ở vùng đồi phía Tây Nam của thành phố, thuộc các Phường 3, Phường 4, phường Đông Lễ và Đông Lương. Diện tích này tuy hiệu quả kinh tế không cao, nhưng có ý nghĩa rất lớn đối với việc bảo vệ môi trường, cảnh quan thành phố.

- Đất nuôi trồng thủy sản 119,05 ha, chiếm 3,04% diện tích đất nông nghiệp; phân bố chủ yếu ở phường Đông Lễ, Đông Lương, Đông Giang, Đông Thanh và những vùng thấp trũng trên địa bàn thành phố.

- Đất nông nghiệp khác 22,36 ha, chiếm 0,57% diện tích đất nông nghiệp.

3.2.1.2. Biến động sử dụng đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2023 là 3.914,29 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 86,56 ha, để thực hiện công trình khu đô thị Tân Vĩnh, khu đô thị Bắc Sông Hiếu, khu đô thị Đông kênh N2 ..., cụ thể:

- Diện tích đất trồng lúa năm 2023 là 1.042,34 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 33,46 ha; phần diện tích biến động này chủ yếu được chuyển qua đất phi nông nghiệp để xây dựng hạ tầng đô thị, khu dân cư đô thị mới...

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2023 là 438,38 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 13,56 ha; phần diện tích biến động này chủ yếu được chuyển qua đất phi nông nghiệp để xây dựng hạ tầng đô thị, khu dân cư đô thị mới...

- Diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2023 là 13,01 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 2,81 ha; phần diện tích biến động này chủ yếu được chuyển qua đất phi nông nghiệp để xây dựng hạ tầng đô thị, khu dân cư đô thị mới.

- Diện tích đất rừng phòng hộ năm 2023 là 75,91 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 267,78 ha; phần diện tích biến động này chủ yếu chuyển sang đất rừng sản xuất, theo Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị và chuyển sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố.

- Diện tích đất rừng sản xuất năm 2023 là 2.203,23 ha, biến động tăng so

với năm 2020 là 230,62 ha; phần diện tích biến động này chủ yếu được chuyển từ đất rừng phòng hộ sang, theo Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2023 là 119,05 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 0,41 ha.

- Diện tích đất nông nghiệp khác năm 2023 là 22,36 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

3.2.2. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất phi nông nghiệp

Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất phi nông nghiệp cụ thể ở Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất phi nông nghiệp

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Diện tích năm 2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Cơ cấu diện tích năm 2023 (%)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.037,80	3.125,08	87,28	42,76
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	116,10	116,10	0,00	3,72
2.2	Đất an ninh	CAN	27,01	27,01	0,00	0,86
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	98,75	0,00	3,16
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	21,74	25,01	3,27	0,80
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	76,24	89,82	13,58	2,87
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	12,07	14,79	2,72	0,47
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,53	0,53	0,00	0,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.272,08	1.308,13	36,05	41,86
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	667,99	704,89	36,90	53,89
-	Đất thủy lợi	DTL	98,32	97,22	-1,10	7,43
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,02	4,02	0,00	0,31
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	27,96	29,59	1,63	2,26
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	83,44	85,91	2,47	6,57
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,99	15,96	-0,03	1,22
-	Đất công trình năng lượng	DNL	4,59	4,67	0,08	0,36
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,30	1,30	0,00	0,10
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,35	0,35	0,00	0,03

-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	29,81	27,08	-2,73	2,07
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	14,02	14,03	0,01	1,07
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	315,83	315,64	-0,19	24,13
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,07	0,07	0,00	0,01
-	Đất chợ	DCH	8,39	7,42	-0,97	0,57
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,77	12,57	-0,20	0,40
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	43,60	52,07	8,47	1,67
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	742,40	767,66	25,26	24,56
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	40,31	40,43	0,12	1,29
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	16,83	17,87	1,04	0,57
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	16,07	15,83	-0,24	0,51
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	383,58	381,12	-2,46	12,20
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	157,59	157,26	-0,33	5,03
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,13	0,00	0,004
3	Đất chưa sử dụng	CSD	269,88	269,15	-0,73	3,68

3.2.2.1. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp

Năm 2023, đất phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố có diện tích 3.125,08 ha, chiếm 42,76% diện tích đất tự nhiên, cụ thể:

- Đất quốc phòng có diện tích 116,10 ha, chiếm 3,72% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là diện tích đất của Sư đoàn 968, Lữ đoàn 384, trụ sở doanh trại các cơ quan quân sự tỉnh, quân sự thành phố, bộ đội biên phòng tỉnh...

- Đất an ninh có diện tích 27,01 ha, chiếm 0,86% diện tích đất phi nông nghiệp, gồm các trụ sở doanh trại công an tỉnh, thành phố, các phường và các đơn vị thuộc công an tỉnh.

- Đất khu công nghiệp có diện tích 98,75 ha, chiếm 3,16% diện tích đất phi nông nghiệp, đây là diện tích đất của khu công nghiệp Nam Đông Hà. Tỷ lệ lấp đầy gần 100%

- Đất cụm công nghiệp có diện tích 25,01 ha, chiếm 0,80% diện tích đất phi nông nghiệp; trên địa bàn thành phố hiện có cụm công nghiệp Đông Lễ, cụm công nghiệp Phường 4 và cụm công nghiệp đường 9D. Nhìn chung, việc quản lý, sử dụng đất tại các cụm công nghiệp hiệu quả khá cao; tỷ lệ lấp đầy cụm công nghiệp Đông Lễ 100%.

- Đất thương mại, dịch vụ có diện tích 89,82 ha, chiếm 2,87% diện tích đất

phi nông nghiệp. Với các trung tâm thương mại, dịch vụ, siêu thị, nhà hàng, khách sạn. Về cơ bản, việc quản lý, sử dụng đất tương đối hiệu quả, đúng mục đích.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích 14,79 ha, chiếm 0,47% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là đất của các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài các cụm công nghiệp. Về cơ bản, việc quản lý, sử dụng đất tương đối hiệu quả, đúng mục đích. Tuy nhiên, công tác xử lý chất thải còn có những hạn chế nhất định, những năm tới cần tăng cường công tác kiểm tra đánh giá môi trường và thực hiện di dời vào cụm công nghiệp khi đủ điều kiện.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích 0,53 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp, đây là đất sản xuất vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Minh Hưng và Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng Quảng Trị.

- Đất phát triển hạ tầng có diện tích là 1.308,13 ha, chiếm 41,86% diện tích đất phi nông nghiệp, trong đó:

+ Đất giao thông có diện tích 704,89 ha, chiếm tỷ trọng lớn nhất 53,89% diện tích đất phát triển hạ tầng. Bao gồm đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, đường 9D và hệ thống giao thông đô thị như đường Hùng Vương, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi... Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa thành phố từng bước được đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới, cơ bản đáp ứng được nhu cầu hiện tại của đô thị tỉnh lỵ. Tuy nhiên, phần lớn đường giao thông có mặt cắt nhỏ, chất lượng mặt đường thấp, vỉa hè, thoát nước và công trình ngầm dưới vỉa hè chưa được đầu tư đồng bộ.

+ Đất thủy lợi có diện tích 97,22 ha chiếm 7,43% diện tích đất phát triển hạ tầng. Bao gồm các hệ thống kênh mương thuộc hệ thống trạm bơm Lai Phước, trạm bơm Cam Lộ, trạm bơm Ái Tử, hồ Trung Chi, hồ Khe Mây, hồ Km6, hồ Trúc Kinh, đập Đại Độ, đập Lạng Phước... Những năm qua, các công trình thủy lợi kênh mương, hồ đập được quan tâm đầu tư nâng cấp đảm bảo an toàn công trình và phục vụ nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa có diện tích 4,02 ha, chiếm 0,31% diện tích đất phát triển hạ tầng. Bao gồm các nhà văn hoá tỉnh, thành phố, phường, khu phố....

+ Đất xây dựng cơ sở y tế có diện tích 29,59 ha, chiếm 2,26% diện tích đất phát triển hạ tầng. Bao gồm bệnh viện Đa khoa tỉnh, bệnh viện chuyên Lao - Phổi, trung tâm Y tế thành phố, trạm Y tế phường, các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa, trạm điều dưỡng...

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có diện tích 85,91 ha, chiếm 6,57% diện tích đất phát triển hạ tầng. Bao gồm diện tích của Phân hiệu Đại học Huế, các trường cao đẳng, trường trung cấp nghề, trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở và tiểu học, trường và điểm trường mầm non. Nhìn chung, hệ thống trường lớp trên địa bàn thành phố ngày càng được đầu tư khang trang, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao có diện tích 15,96 ha, chiếm 1,22% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích này phần lớn được tập trung ở khu vực trung tâm thành phố, gồm nhà thi đấu đa năng tỉnh, sân vận động Đông Hà, các sân thể thao, các trung tâm thể dục, thể thao do nhà nước đầu tư và xã hội hóa. Những năm gần đây, việc xã hội hóa phát triển các cơ sở tập luyện thể dục thể thao trên địa bàn thực hiện khá hiệu quả, thu hút nhiều người tham gia, đã góp phần đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe cho người dân đô thị.

+ Đất công trình năng lượng có diện tích 4,67 ha, chiếm 0,36% diện tích đất phát triển hạ tầng. Đây là đất các công trình trạm biến thế và hệ thống đường dây tải điện...

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông có diện tích 1,30 ha, chiếm 0,10% diện tích đất phát triển hạ tầng. Đất này bao gồm các hệ thống cột và đường cáp truyền thông tin, các trạm thu phát tín hiệu, các cơ sở giao dịch với khách hàng, các bưu điện, điểm bưu điện văn hóa...

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa có diện tích 0,35 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích 27,08 ha, chiếm 2,07% diện tích đất phát triển hạ tầng. Đây là quỹ đất xây dựng bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh cho toàn thành phố hiện tại và những năm tiếp theo, thuộc Phường 3, Phường 4.

+ Đất cơ sở tôn giáo có diện tích 14,03 ha, chiếm 1,07% diện tích đất phát triển hạ tầng, gồm hệ thống các nhà thờ tôn giáo, chùa, Niệm Phật đường... Tuy diện tích không lớn, nhưng mang ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần, tâm linh của nhân dân trên địa bàn.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 315,64 ha, chiếm 24,13% diện tích đất phát triển hạ tầng. Đây là các khu nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân như: nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia đường 9; nghĩa trang Liệt sỹ các phường, nghĩa trang nhân dân Phường 4, nghĩa trang nhân dân phường Đông Lương, Sơn trang Vĩnh Hằng, các nghĩa địa. Hiện nay, thành phố đã ban hành Đề án quản lý, sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa đến năm 2030 nhằm tăng cường quản lý có hiệu quả việc sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn thành phố trong những năm tới.

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội có diện tích 0,07 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất chợ có diện tích 7,42 ha, chiếm 0,57% diện tích đất phát triển hạ tầng. Gồm đất chợ Đông Hà và hệ thống chợ trên địa bàn các phường, đây là nơi giao thương, buôn bán của các Tiểu thương, nhân dân trên địa bàn và khu vực lân cận.

- Đất sinh hoạt cộng đồng có diện tích 12,57 ha, chiếm 0,40% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là quỹ đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng của các khu phố trên địa bàn các phường.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích 52,07 ha, chiếm 1,67%

diện tích đất phi nông nghiệp. Gồm đất công viên Lê Duẩn, công viên Fidel Castro, các vườn hoa, khu vui chơi công cộng trên địa bàn các phường.

- Đất ở tại đô thị có diện tích 767,66 ha, chiếm 24,56% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là quỹ đất ở được hình thành trong các khu dân cư, các khu đô thị mới.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích 40,43 ha, chiếm 1,29% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm đất trụ sở cơ quan tỉnh, thành phố, các phường, các tổ chức chính trị, xã hội ... Nhìn chung việc quản lý sử dụng đất đảm bảo theo quy định, cơ bản đáp ứng được nhu cầu mục đích sử dụng đất.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích 17,87 ha, chiếm 0,57% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm đất trụ sở của các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Nhìn chung việc quản lý sử dụng đất đảm bảo theo quy định, cơ bản đáp ứng được nhu cầu mục đích sử dụng đất.

- Đất tín ngưỡng có diện tích 15,83 ha, chiếm 0,51% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là đất các đình làng, miếu mạo, nhà thờ họ... Tuy diện tích không lớn, nhưng mang ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần, tâm linh của nhân dân, cộng đồng dân cư trên địa bàn.

- Đất sông ngòi có diện tích 381,12 ha, chiếm 12,20% diện tích đất phi nông nghiệp, gồm hệ thống sông như sông Hiếu, sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Phước và các sông, hói nội đồng, đây là nguồn nước cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích 157,26 ha, chiếm 5,03% diện tích đất phi nông nghiệp, bao gồm hồ Nam Hòa, hồ Đại An, hồ khe Mây, hồ Km6....

- Đất phi nông nghiệp khác có diện tích 0,13 ha, chiếm 0,004% diện tích đất phi nông nghiệp.

3.2.2.2. Biến động sử dụng đất phi nông nghiệp

Năm 2023, đất phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố có diện tích 3.125,08 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 87,28 ha, cụ thể:

- Đất quốc phòng có diện tích 116,10 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

- Đất an ninh có diện tích 27,01 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

- Đất khu công nghiệp có diện tích 98,75 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

- Đất cụm công nghiệp có diện tích 25,01 ha, so với năm 2020 tăng 3,27 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ có diện tích 89,82 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 13,58 ha do thực hiện dự án khu đô thị thương mại Nam Đông Hà và một số dự án thương mại dịch vụ trong các khu đô thị mới trên địa bàn thành phố.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích 14,79 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 2,72 ha do thực hiện dự án xây dựng CSHT phục vụ sản xuất và di dời các cơ sở SXKD gây ô nhiễm trong khu dân cư tại Phường 4.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích 0,53 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

- Đất phát triển hạ tầng có diện tích là 1.308,13 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 36,05 ha, trong đó:

+ Đất giao thông có diện tích 704,89 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 36,90 ha do thực hiện các tuyến giao thông thuộc dự án GMS, dự án khu đô thị Bắc Sông Hiếu và một số tuyến đường trên địa bàn thành phố.

+ Đất thủy lợi có diện tích 97,22 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 1,10 ha, do chuyển sang thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn thành phố.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa có diện tích 4,02 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế có diện tích 29,59 ha, biến động tăng không đáng kể so với năm 2020 là 1,63 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo có diện tích 85,91 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 2,47 ha do thực hiện xây dựng trường THCS Nguyễn Trãi mới, Mở rộng trường mầm non Hướng Dương, Khu phố 1, Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc ...

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao có diện tích 15,96 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 0,03 ha.

+ Đất công trình năng lượng có diện tích 4,67 ha, biến động tăng không đáng kể so với năm 2020 là 0,08 ha.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông có diện tích 1,30 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa có diện tích 0,35 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích 27,08 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 2,73 ha.

+ Đất cơ sở tôn giáo có diện tích 14,03 ha, có biến động tăng không đáng kể so với năm 2020 là 0,01 ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 315,64 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 0,19 ha, do di dời để thực hiện dự án khu đô thị Bắc Sông Hiếu và một số dự án trên địa bàn thành phố.

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội có diện tích 0,07 ha, so với năm 2020 không có sự biến động.

+ Đất chợ có diện tích 7,42 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 0,97 ha, do thực hiện dự án đường Bà Triệu kéo dài qua chợ Đông Hà và dự án xây dựng vườn hoa mini chợ Phường 3 (cũ).

- Đất sinh hoạt cộng đồng có diện tích 12,57 ha, biến động giảm không đáng kể so với năm 2020 là 0,20 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích 52,07 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 8,47 ha. Đây là quỹ đất dành để xây dựng công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí trong các khu đô thị mới và xây dựng các vườn hoa mini trên địa bàn thành phố.

- Đất ở tại đô thị có diện tích 767,66 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 25,26 ha. Đây là quỹ đất ở được hình thành trong quá trình xây dựng các khu dân cư đô thị mới.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích 40,43 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 0,12 ha, xây dựng trụ sở Chi cục Thống kê thành phố Đông Hà.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích 17,87 ha, biến động tăng so với năm 2020 là 1,04 ha.

- Đất tín ngưỡng có diện tích 15,83 ha, biến động giảm so với năm 2020 là 0,24 ha.

- Ngoài ra đất sông suối có biến động giảm 2,46 ha; đất có mặt nước chuyên dùng giảm 0,33 ha so với năm 2020 do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố.

3.2.3. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất chưa sử dụng

- Diện tích đất chưa sử dụng của thành phố năm 2023 là 269,15 ha, chiếm 3,68% diện tích tự nhiên, được phân bố khắp trên địa bàn thành phố, tập trung nhiều về phía Tây, Tây Nam thành phố (phường Đông Lương, phường Đông Lễ và Phường 3).

- Diện tích đất chưa sử dụng của thành phố năm 2023 biến động giảm so với năm 2020 là 0,73 ha. Phần diện tích này, một phần đưa vào sản xuất nông nghiệp, một phần đưa vào đất phi nông nghiệp để xây dựng khu dân cư đô thị mới, cơ sở hạ tầng.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNG GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt

4.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

Qua 3 năm thực hiện quy hoạch sử dụng đất cho thấy việc sử dụng đất cho các mục đích cơ bản đúng với định hướng quy hoạch. Phát huy được tiềm năng lợi thế của đất đai phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố. Kết quả cụ thể theo Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất qua 3 năm 2021 - 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt đến năm 2030 (ha)	Kết quả thực hiện đến năm 2023		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
I	Tổng diện tích tự nhiên		7.308,53	7.308,53	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.141,98	3.914,29	772,31	124,58
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	611,78	1.042,34	430,56	170,38
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>605,66</i>	<i>1.032,56</i>	<i>426,90</i>	<i>170,49</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	306,50	438,38	131,88	143,03
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	9,62	13,01	3,39	135,26
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	71,66	75,91	4,25	105,94
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.940,94	2.203,23	262,29	113,51
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	133,69	119,05	-14,64	89,05
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	67,79	22,36	-45,43	32,98
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.981,78	3.125,08	-856,70	78,48
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	96,88	116,10	19,22	119,84
2.2	Đất an ninh	CAN	27,01	27,01	0,00	100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	98,75	0,00	100,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	56,37	25,01	-31,36	44,37
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	158,46	89,82	-68,64	56,68
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	46,90	14,79	-32,11	31,53
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	0,53	0,53	0,00	100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng ...	DHT	1.518,77	1.308,13	-210,64	86,13
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	810,60	704,89	-105,71	86,96
-	Đất thủy lợi	DTL	105,16	97,22	-7,94	92,45
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,82	4,02	-3,80	51,37
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	33,32	29,59	-3,73	88,82
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	101,08	85,91	-15,17	84,99
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	26,59	15,96	-10,63	60,01
-	Đất công trình năng lượng	DNL	6,59	4,67	-1,92	70,79
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,42	1,30	-0,12	91,44
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	10,70	0,35	-10,35	3,26
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	49,81	27,08	-22,73	54,36
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,99	14,03	0,04	100,26

-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà HT	NTD	335,35	315,64	-19,71	94,12
-	Đất XD cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,07	0,07	0,00	100,00
-	Đất chợ	DCH	16,27	7,42	-8,85	45,62
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,44	12,57	0,13	101,02
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	114,86	52,07	-62,79	45,33
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.238,16	767,66	-470,50	62,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	68,65	40,43	-28,22	58,89
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	16,83	17,87	1,04	106,19
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	16,50	15,83	-0,67	95,92
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	352,95	381,12	28,17	107,98
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	157,59	157,26	-0,33	99,79
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,13	0,00	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	184,77	269,15	84,38	145,67

4.1.1.1. Đất nông nghiệp

Theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3.141,98 ha, giảm 858,88 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023, diện tích đất nông nghiệp là 3.914,29 ha, giảm 86,56 ha, đạt 10,08%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 772,31 ha.

- Đất trồng lúa, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 611,78 ha, giảm 464,02 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 1.042,34 ha, giảm 33,46 ha, đạt 7,21%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 430,56 ha. Diện tích đất trồng lúa giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Khu đô thị Bắc Sông Hiếu giai đoạn 2; CSHT khu dân cư đường Thanh Niên giai đoạn 3; Xây dựng CSHT khu đất lẻ khu phố 5, phường Đông Thanh; Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến Quốc lộ 9) ...

- Đất trồng cây hàng năm khác, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 306,50 ha, giảm 145,43 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 438,38 ha, giảm 13,56 ha, đạt 9,32%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 131,88 ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà; Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến Quốc lộ 9) hạng mục bổ sung đoạn tuyến kết nối trường Tiểu học Lý Tự Trọng; Khu đô thị Bắc Sông Hiếu giai đoạn 2 và chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sang đất ở ...

- Đất trồng cây lâu năm, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 9,62 ha, giảm 6,20 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 13,01 ha, giảm 2,81 ha, đạt 45,30%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 3,39 ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà; Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến Quốc lộ 9) hạng mục bổ sung đoạn tuyến kết nối trường Tiểu học

Lý Tự Trọng; Đường vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Trung Trực) ...

- Đất rừng phòng hộ, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 71,66 ha, giảm 272,03 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 75,91 ha, giảm 267,78 ha, đạt 98,44%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 4,25 ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất rừng sản xuất theo Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh và cập nhật lại hiện trạng đất rừng phòng hộ theo Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh.

- Đất rừng sản xuất, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.940,94 ha, giảm 31,67 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 2.203,23 ha, tăng 230,62 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện là 262,29 ha. Diện tích đất rừng sản xuất tăng do chuyển từ đất rừng phòng hộ sang theo Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh.

- Đất nuôi trồng thủy sản, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 133,69 ha, tăng 15,05 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 119,05 ha, tăng 0,41 ha, đạt 2,74%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 14,64 ha. Diện tích tăng thêm do thống kê cập nhật lại hiện trạng đất giao thông sang đất nuôi trồng thủy sản ở Phường 2.

- Đất nông nghiệp khác, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 67,79 ha, tăng 45,43 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 22,36 ha, so với năm 2020 không có sự biến động, diện tích còn lại chưa thực hiện là 45,43 ha.

4.1.1.2. Đất phi nông nghiệp

Theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3.981,78 ha, tăng 943,98 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 3.125,08 ha, tăng 87,28 ha, đạt 9,25%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 856,70 ha. Cụ thể từng loại đất như sau:

- Đất quốc phòng, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 96,88 ha, giảm 19,22 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 116,10 ha, so với năm 2020 không có sự biến động, diện tích còn lại chưa thực hiện là 19,22 ha.

- Đất an ninh, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 27,01 ha, so với năm 2020 không có sự biến động. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 27,01 ha.

- Đất khu công nghiệp, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 98,75 ha, so với năm 2020 không có sự biến động. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 98,75 ha.

- Đất cụm công nghiệp, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 56,37 ha, tăng 34,63 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 25,01 ha, tăng 3,27 ha, đạt 9,44%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 31,36 ha. Diện tích tăng thêm do giao đất thực hiện dự án Kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Quốc lộ 9D (giai đoạn 1).

- Đất thương mại dịch vụ, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 158,46 ha, tăng 82,22 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 89,82 ha, tăng 13,58 ha, đạt 16,52%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 68,64 ha. Diện tích tăng do giao đất thực hiện dự án Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà; Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 ...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 46,90 ha, tăng 34,83 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 14,79 ha, tăng 2,72 ha, đạt 7,80%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 32,11 ha. Diện tích tăng do giao đất để thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm trong khu dân cư trên địa bàn thành phố.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 0,53 ha, so với năm 2020 không có sự biến động. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 0,53 ha.

- Đất phát triển hạ tầng, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.518,77 ha, tăng 246,69 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 1.308,13 ha, tăng 36,05 ha, đạt 14,61%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 210,64 ha. Diện tích tăng do giao đất thực hiện dự án xây dựng CSHT khu đất lẻ khu phố 5, phường Đông Thanh; Đập ngăn mặn sông Hiếu; Đường nối từ đường Lê Lợi đến Quốc lộ 9 và CSHT phía Bắc tuyến; Nghĩa trang phục vụ di dời mộ khu vực Bắc sông Hiếu; Khu đô thị Tân Vĩnh; Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến Quốc lộ 9); Khu dân cư mới Phường 1; Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà

- Đất sinh hoạt cộng đồng, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 12,44 ha, giảm 0,33 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 12,57 ha, giảm 0,20 ha, đạt 61,39%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 0,13 ha. Diện tích giảm do thống kê cập nhật lại hiện trạng ở phường Đông Lương.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 114,86 ha, tăng 71,26 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 52,07 ha, tăng 8,47 ha, đạt 11,88%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 62,79 ha. Diện tích tăng do giao đất thực hiện dự án Khu đô thị Tân Vĩnh; Khu dân cư mới Phường 1; Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà; Xây dựng vườn hoa mini tại khu vực Chợ Phường 3 (cũ); Vườn hoa mini giao thông đường Âu Cơ và đường Trường Chinh ...

- Đất ở tại đô thị, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.238,16 ha, tăng 495,76 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 767,66 ha, tăng 25,26 ha, đạt 5,10%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 470,50 ha. Diện tích tăng do giao đất thực hiện dự án xây dựng CSHT khu đất lẻ khu phố 5, phường Đông Thanh; Đường nối từ đường Lê Lợi đến Quốc lộ 9 và CSHT phía Bắc tuyến; Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; Khu dân cư mới Phường 1; Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà ...

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 68,65 ha, tăng 28,34 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là

40,43 ha, tăng 0,12 ha, đạt 0,42%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 28,22 ha. Diện tích tăng thêm do giao đất để xây dựng Trụ sở Chi cục Thống kê thành phố Đông Hà.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 16,83 ha, so với năm 2020 không có sự biến động. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 17,87 ha, tăng 1,04 ha. Diện tích tăng do thống kê cập nhật lại hiện trạng đất Trụ sở Đài phát thanh truyền hình tỉnh Quảng Trị.

- Đất tín ngưỡng, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 16,07 ha, tăng 0,43 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 15,83 ha, giảm 0,24 ha, đạt 56,62%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 0,67 ha. Diện tích giảm do chuyển sang thực hiện dự án xây dựng CSHT khu dân cư Đồng Soi; Xây dựng CSHT khu dân cư khu phố Tây Trì, Phường 1; Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT khu dân cư Đặng Dung (giai đoạn 4) ...

- Đất sông suối, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 352,95 ha, giảm 30,63 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 381,12 ha, giảm 2,46 ha, đạt 8,04%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 28,17 ha. Diện tích giảm do chuyển sang thực hiện dự án Hệ thống thoát nước tiêu úng cho vùng sản xuất lúa phía Tây đường sắt Bắc Nam thuộc khu phố 3, phường Đông Thanh; Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà ...

- Đất có mặt nước chuyên dùng, theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 157,59 ha, so với năm 2020 không có sự biến động. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 157,26 ha, giảm 0,33 ha. Diện tích giảm do chuyển sang thực hiện dự án CSHT khu dân cư hai bên đường Hàn Thuyên (giai đoạn 2); Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà; Xây dựng CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái giai đoạn 2 ...

4.1.1.3. Đất chưa sử dụng

Theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 184,77 ha, giảm 85,11 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 269,15 ha, giảm 0,73 ha, đạt 0,85%, diện tích còn lại chưa thực hiện là 84,38 ha. Diện tích giảm do chuyển sang thực hiện dự án hoàn thiện 47m và cơ sở hạ tầng khu tái định cư Bắc Sông Hiếu; Hệ thống thoát nước tiêu úng cho vùng sản xuất lúa phía Tây đường sắt Bắc Nam thuộc khu phố 3, phường Đông Thanh; Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà; Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3; Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2) ...

4.1.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất

Tổng số công trình, dự án có trong quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 của thành phố là 410. Kết quả thực hiện đến năm 2023 như sau:

4.1.2.1. Công trình, dự án đã hoàn thành

- Số công trình, dự án đã hoàn thành là 25, chiếm tỷ lệ 6,10% tổng số công trình, dự án được đưa vào quy hoạch.

(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp)

4.1.2.2. Công trình, dự án đang thực hiện

- Số công trình, dự án đang thực hiện là 139, chiếm tỷ lệ 33,90% tổng số công trình, dự án được đưa vào quy hoạch.

(Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp)

4.1.2.3. Công trình, dự án chưa thực hiện

- Số công trình, dự án chưa thực hiện là 246, chiếm tỷ lệ 60,00% tổng số công trình, dự án được đưa vào quy hoạch. Cụ thể:

+ Đất quốc phòng 01/01 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 2,00 ha để xây dựng Ban chỉ huy quân sự thành phố Đông Hà tại Phường 2.

+ Đất cụm công nghiệp 02/03 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch 43,40 ha để thực hiện công trình Quy hoạch, mở rộng cụm công nghiệp Phường 4; Quy hoạch, mở rộng cụm công nghiệp Quốc lộ 9D.

+ Đất thương mại, dịch vụ 17/26 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch 101,46 ha. Như công trình đất thương mại, dịch vụ dọc quốc lộ 9D; khu sinh thái Hồ Méc; đất thương mại dịch vụ Lâm viên Cọ Dầu - Trung Chỉ ...

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 01/01 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch 28,90 ha để xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh dọc trục quốc lộ 9D.

+ Đất giao thông có 56/120 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 141,54 ha. Như công trình Đường song song với đường tránh thành phố nối từ đường Thuận Châu đến quốc lộ 9 đi sân bay; Giao thông KĐT Nam sông Hiếu; Giao thông KĐT phía Đông thành phố Đông Hà; Giao thông KĐT Thuận Châu; Bãi đỗ xe ...

+ Đất thủy lợi có 05/12 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 15,90 ha. Như công trình kè chống xói lở sông Thạch Hãn, kè sông Vĩnh Phước và Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà ...

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa có 20/23 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch 4,60 ha. Như công trình khu thiết chế văn hóa thuộc KĐT Nam Đông Hà; các nhà văn hóa khu phố trên địa bàn thành phố ...

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có 28/37 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 26,88 ha. Như công trình Trường THCS Triệu Thị Trinh; xây dựng trường Chính trị Lê Duẩn; Trường mầm non Hòa Mỹ ...

+ Đất xây dựng cơ sở y tế có 02/04 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 5,30 ha. Như công trình bệnh viện Mắt; Bệnh viện TTH.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao có 08/11 công trình, dự án chưa

thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 10,20 ha. Như công trình Sân tập golf (KDC Nguyễn Du - Trần Bình Trọng); Sân thể thao khu phố 3, 4, 5 phường Đông Thanh...

+ Đất năng lượng có 08/09 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích bố trí quy hoạch 2,07 ha. Như công trình Trạm biến áp 110Kv Cam lộ và đầu nối; Quy hoạch năng lượng, nông nghiệp sạch ...

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông có 02/02 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích bố trí quy hoạch 0,10 ha. Như công trình các cột thu phát sóng di động; các trạm BTS.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa có 07/10 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch 10,51 ha. Như công trình khu di tích lịch sử đình làng Trung Chi; khu di tích quốc gia đặc biệt cảng quân sự Đông Hà ...

+ Đất chợ có 07/07 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 8,61 ha. Như công trình chợ nông sản phía Đông và phía Tây, chợ khu đô thị Nam Đông Hà, khu phố chợ Phường 5...

+ Đất tôn giáo, tín ngưỡng có 02/05 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích bố trí quy hoạch 0,31 ha. Như công trình Niệm Phật đường Đông Lai; Niệm Phật đường Thượng Nghĩa.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng 03/03 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 0,85 ha. Như công trình Hội trường hợp tác xã Đại Áng; Nhà phòng chống bão lụt, kết hợp sinh hoạt cộng đồng Phường 4; Nhà phòng chống bão lụt, kết hợp sinh hoạt cộng đồng khu phố 5, phường Đông Lễ.

+ Đất vui chơi, giải trí công cộng có 15/36 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 61,30 ha. Như công trình cây xanh, mặt nước thuộc Khu đô thị Nam sông Hiếu; lâm viên Cọ Dầu - Trung Chi; Lâm viên sinh thái hồ KM6; Công viên đường Hùng Vương (khu đất cách ly giữa đường Hùng Vương và Khu Công nghiệp Nam Đông Hà)...

+ Đất ở tại đô thị có 40/77 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 287,97 ha. Như công trình Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu; khu đô thị Hawee Park Land Đông Hà; Khu đô thị Thuận Châu; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà; Khu dân cư Tây đưng Hùng Vương giáp cầu Vĩnh Phước ...

+ Đất trụ sở cơ quan có 03/06 công trình, dự án chưa thực hiện; diện tích đất bố trí quy hoạch là 31,30 ha. Như công trình Trụ sở Sở Y tế tỉnh Quảng Trị; Khu hành chính tỉnh ...

(Chi tiết có Phụ lục 03 kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp)

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt

4.2.1. Những mặt được

- Nhìn chung, quy hoạch sử dụng đất của thành phố cơ bản đã đáp ứng

được nhu cầu sử dụng đất của các ngành, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn thành phố trong giai đoạn 2021-2023.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất của thành phố đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai; việc công bố, công khai quy hoạch sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy định.

- Việc tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt đảm bảo chặt chẽ; hàng năm việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất tuân thủ chỉ tiêu phân bổ các loại đất và các khu chức năng theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

4.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại

- Quy hoạch sử dụng đất của thành phố còn có một số hạn chế dẫn đến kết quả thực hiện ở một số lĩnh vực còn thấp so với quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt do những nguyên nhân sau:

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/4/2021, do đó trong khoảng thời gian 2021-2023 một số công trình, dự án chưa bố trí được nguồn vốn, thu hút đầu tư hạn chế làm ảnh hưởng đến khả năng đầu tư triển khai dự án.

- Việc triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giữa các ngành chưa được tiến hành đồng bộ, hiệu quả chưa cao do chưa chủ động hoặc không xác định được nguồn vốn để thực hiện dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Còn có sự chồng chéo giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch của các ngành dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện quy hoạch.

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, đã tác động lên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, dẫn đến nền kinh tế phục hồi chậm, thị trường bất động sản gặp khó khăn, do đó khó huy động các nguồn lực để triển khai dự án.

- Một số chủ dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn mang tính chủ quan, chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư, về nguồn vốn để triển khai nên không đủ điều kiện để được giao đất. Thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản còn phức tạp, rườm rà nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các công trình làm cho các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện giao đất, cho thuê đất các dự án đạt thấp.

- Việc bố trí vốn để thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất chưa đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt, nên việc thực hiện chậm so với tiến độ đã đề ra.

- Một số phương án quy hoạch chưa được dự báo sát với tốc độ phát triển kinh tế xã hội, chưa lường hết những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư dẫn đến quy hoạch không thực hiện được hoặc việc

bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Việc thay đổi chính sách về đất đai đã ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ triển khai giải phóng mặt bằng đối với các dự án có quy mô lớn, thời gian thực hiện trải dài qua nhiều giai đoạn làm phát sinh những bất cập, thiếu đồng nhất giữa các phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trong từng giai đoạn thực hiện, phát sinh thắc mắc, khiếu kiện từ phía các hộ dân bị thu hồi đất.

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất

- Bám sát các chỉ tiêu quy hoạch đã được cấp trên phân bổ.

- Tính toán, dự báo nhu cầu sử dụng đất và khả năng thực hiện quy hoạch sử dụng đất sát với điều kiện và tình hình thực tế.

- Các ngành, các cấp và các đối tượng sử dụng đất cùng tham gia vào quá trình thực hiện quy hoạch.

- Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện quy hoạch cần thực hiện nghiêm túc.

- Cần có sự thống nhất giữa các quy hoạch để tránh sự chồng chéo.

Phần II

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; chính quyền liêm chính, hành động; phát huy dân chủ và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế đô thị, dịch vụ là mũi nhọn, phát triển công nghiệp sạch; nông nghiệp công nghệ cao, bảo vệ môi trường thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phát triển văn hóa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Thực hiện tốt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045, đầu tư kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, sớm đạt đô thị loại II, từng bước trở thành thành phố thông minh.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá - xã hội; thực hiện tốt chính sách an sinh, xã hội; giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, giải quyết tốt công bằng xã hội, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

- Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

Thành phố Đông Hà với mục tiêu phát triển đạt đô thị loại II trong tương lai, vì vậy, việc sử dụng quỹ đất của thành phố hiện tại và trong tương lai cần phải quán triệt các quan điểm sử dụng đất sau:

- Sử dụng đất phải đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đất của các ngành, để thực hiện định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của thành phố đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trên quan điểm sử dụng toàn bộ quỹ đất của thành phố một cách khoa học, hợp lý, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao và bền vững.

- Ưu tiên dành quỹ đất phát triển đô thị, thương mại dịch vụ và hoàn thiện hạ tầng giao thông, thiết chế y tế, văn hóa, thể dục, thể thao đồng bộ; phát triển các khu dân cư cũ theo hướng hạn chế mở rộng, tập trung quy hoạch chỉnh trang khép kín; tận dụng tối đa diện tích ao, hồ, sông suối, mặt nước, đất chưa sử dụng nhằm tạo cảnh quan cây xanh, thể thao, dịch vụ nâng cao điều kiện sống kết hợp phát triển kinh tế của thành phố.

- Quy hoạch mở rộng, đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp. Quản lý, khai thác có hiệu quả quỹ đất tại các khu cụm công nghiệp; ưu tiên các ngành công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, công nghiệp chế biến... ứng dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”. Phối hợp xây dựng, quảng bá danh mục dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp; đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn.

- Sử dụng đất nông nghiệp cần ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo môi trường sinh thái và an toàn thực phẩm, nông nghiệp sinh thái kết hợp dịch vụ, du lịch, hoạt động trải nghiệm; xây dựng Đông Hà trở thành trung tâm triển lãm, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của tỉnh, phát triển các chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

- Quản lý bảo vệ và phát triển rừng, duy trì hệ số che phủ; lồng ghép các dự án du lịch sinh thái, công viên, lâm viên sinh thái với nhiệm vụ bảo vệ rừng nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, góp phần sử dụng đất hiệu quả, bền vững.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

1.3.1. Định hướng phát triển

- Với ý tưởng xây dựng thành phố Đông Hà trở thành “Thành phố kết nối xanh” là một trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ, điểm đầu của hành lang kinh tế Đông - Tây. Định hướng tổ chức không gian thành phố Đông Hà với ý tưởng chủ đạo là lấy sông Hiếu là trục cảnh quan chính của đô thị, kết nối các tuyến xanh với sông Thạch Hãn, Vĩnh Phước và hệ thống hồ, ao cùng với các không gian cây xanh đô thị là yếu tố liên kết không gian giữa khu vực trung tâm hiện hữu với các khu vực phát triển mới.

- Phía Bắc: Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, khu đô thị mới, nông nghiệp đô thị, kết nối với tuyến hành lang thương mại dịch vụ du lịch ở phía Bắc, khu Công nghiệp Quán Ngang, cảng hàng không Quảng Trị. Khai thác cảnh quan hai bên bờ sông Hiếu.

- Phía Nam: Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, sạch không gây ô nhiễm, kho tàng. Hình thành các trung tâm giáo dục, y tế kết hợp với các khu đô thị mới gắn với du lịch sinh thái sông Vĩnh Phước.

- Phía Đông: Tập trung phát triển khu đô thị mới, phát triển nông nghiệp đô thị, du lịch sinh thái trải nghiệm, kết hợp với không gian cảnh quan sông Thạch Hãn.

- Phía Tây: Tập trung phát triển cải tạo chỉnh trang khu vực hiện hữu, hình thành các khu du lịch sinh thái gắn với lâm viên khu vực hồ Khe Mây, hồ Trung Chi. Phát triển công nghiệp, logistic gắn với tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường Điện Biên Phủ (Quốc lộ 9 tránh phía Nam).

1.3.2. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

- Khu vực chuyên canh sản xuất lúa, rau màu, hoa, cây cảnh và nuôi trồng thủy sản:

+ Tiếp tục duy trì phát triển hoa trồng đất (vùng tập trung và vườn nhà) chủ yếu ở phường Đông Thanh, Đông Giang để phục vụ nhu cầu thường xuyên và các ngày lễ, tết (gồm các loại hoa như: hoa cúc, vạn thọ, lay ơn...); khuyến khích phát triển mô hình trồng cây cảnh thương phẩm.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới trong sản xuất (nhà lưới, nhà màng, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ tưới tiết kiệm nước...); tăng cường liên kết, hợp tác thành lập các tổ chức, doanh nghiệp chuyên sản xuất hoa, cây cảnh để cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

+ Tạo điều kiện thuận lợi về địa điểm bán hoa cho người trồng hoa, cây cảnh trên địa bàn thành phố; phối hợp tổ chức các hội hoa xuân để giới thiệu, quảng bá sản phẩm. Có phương án nâng cao hiệu quả khai thác trại sản xuất giống hoa cúc tại phường Đông Thanh.

+ Phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, bảo đảm an toàn thực phẩm; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ và nhu cầu của dân cư đô thị. Để đáp ứng được yêu cầu đó cần ổn định diện tích đất trồng lúa khoảng 606,69 ha tập trung ở phường Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ; vùng trồng rau, hoa cây cảnh khoảng 303,11 ha tập trung chủ yếu ở phường Đông Giang, Đông Thanh; vùng nuôi trồng thủy sản diện tích khoảng 130,14 ha tập trung ở phường Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương.

- Khu vực rừng phòng hộ, rừng sản xuất: Với quan điểm quản lý bảo vệ và phát triển rừng nâng cao hệ số che phủ; lồng ghép các dự án du lịch sinh thái, công viên, lâm viên sinh thái với nhiệm vụ bảo vệ rừng nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, góp phần sử dụng đất hiệu quả, bền vững. Định hướng đến năm 2030 giữ khoảng 75,91 ha rừng phòng hộ, tập trung ở Phường 3 và 1.893,95 ha rừng sản xuất ở Phường 3, Phường 4 và phường Đông Lương.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

+ Tiếp tục thu hút đầu tư tại khu công nghiệp Nam Đông Hà ưu tiên công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, từng bước di dời các nhà máy, xí nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu công nghiệp; Triển khai đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cụm công nghiệp Đông Lễ, Phường 4, cụm công nghiệp 9D nhằm thúc đẩy phát triển các ngành nghề, đồng thời di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư về các cụm công nghiệp.

+ Hình thành các trung tâm logistics và kho bãi, thương mại - dịch vụ trên đường Điện Biên Phủ kết nối với Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay.

+ Hiện trạng quy mô đất công nghiệp, kho tàng khoảng 123,76 ha; đến năm 2030 khoảng 153,86 ha.

- Khu đô thị, thương mại và dịch vụ:

+ Thành phố Đông Hà phân đấu đạt đô thị loại II, gồm 9 phường với tổng

diện tích 7.308,53 ha, hiện đã và đang được đầu tư phát triển theo quy hoạch đô thị.

+ Thương mại, dịch vụ: Tiếp tục hoàn thiện, cải tạo chỉnh trang hệ thống thương mại dịch vụ hiện hữu. Các công trình thương mại dịch vụ tại thành phố Đông Hà phần lớn tập trung ở phía Nam sông Hiếu như chợ Đông Hà, đường Lê Duẩn, Hùng Vương, đường 9B... Định hướng phát triển các khu thương mại dịch vụ phía Bắc sông Hiếu, phía Nam thành phố trên đường Điện Biên Phủ, Hùng Vương, Phía Đông hình thành các tổ hợp thương mại dịch vụ, trung tâm động lực. Hoàn thiện các loại hình dịch vụ hiện hữu, nâng cao chất lượng và chuyên nghiệp hóa các loại hình dịch vụ thương mại như dịch vụ ngân hàng, tài chính, thương mại.

+ Hiện trạng quy mô hệ thống thương mại dịch vụ khoảng 89,82 ha; đến năm 2030 khoảng 222,90 ha.

- Khu dịch vụ, du lịch:

+ Cải tạo chỉnh trang và hoàn thiện Công viên Lê Duẩn, Công viên Fidel, Vườn hoa mini của thành phố Đông Hà. Quy hoạch mới Công viên Hùng Vương (hồ Trung Chỉ, Cọ Dầu), Công viên trung tâm phía Đông thành phố, Công viên sinh thái Nam Đông Hà, Công viên trung tâm phía Bắc sông Hiếu, Công viên Hối Cạn và Lâm viên hồ Khe Mây.

+ Trục không gian cây xanh cảnh quan: sông Hiếu, sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Phước, Hối Sòng.

+ Phát triển du lịch trên toàn địa bàn thành phố phù hợp với định hướng phát triển du lịch của tỉnh, gắn với các loại hình du lịch sinh thái, cộng đồng; du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh; cơ sở vật chất và hạ tầng dịch vụ du lịch. Hình thành khu dịch vụ du lịch sinh thái tại hồ Khe Lấp, Nam Đông Hà, hồ Km6, hồ Méc. Xây dựng tổ hợp dịch vụ, du lịch, văn hóa, tín ngưỡng tại khu vực hồ Khe Mây.

+ Quy mô diện tích đến năm 2030 là 96,6 ha.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,0%/ năm.

- Cơ cấu các ngành kinh tế: Dịch vụ - công nghiệp và xây dựng - nông nghiệp là 63,0% - 36,2% - 0,8%.

- Tổng sản phẩm xã hội bình quân đầu người bằng 1,7 lần so với năm 2020.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 15%/năm (sau khi loại trừ thu tiền đầu giá quyền sử dụng đất).

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là 39.676 tỷ đồng, tăng bình quân 18%/năm.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

Phát triển kinh tế theo hướng bền vững, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư. Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 11%/năm, trong đó:

- Thương mại và dịch vụ tăng 10%/năm.
- Công nghiệp - xây dựng tăng 13%/năm.
- Nông nghiệp tăng 2%/năm.

2.1.3. Chỉ tiêu phát triển văn hóa - xã hội, môi trường, đô thị

- Tạo việc làm mới hàng năm trên 1.850 lao động.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 2%.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98%.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 96%; duy trì 100% khu phố đạt danh hiệu văn hóa, 9/9 phường được công nhận phường văn minh, trên 30 tuyến phố đạt tuyến phố văn minh.

- 09/9 phường có Trung tâm văn hóa - thể thao; phân đầu 100% khu phố trên địa bàn thành phố có nhà văn hóa được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hội họp của dân.

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt trên 99%; tỷ lệ số hộ dân tham gia nộp phí rác thải đạt 99%.

- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành đạt 6,3m²/người.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, các quan điểm định hướng sử dụng đất và nhu cầu sử dụng của các ngành, các lĩnh vực, các phường chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch trên địa bàn thành phố được xác định như sau:

- Tổng diện tích tự nhiên là 7308,53 ha, trong đó:

+ Diện tích đất nông nghiệp 3.121,78 ha, điều chỉnh giảm so với quy hoạch được duyệt là 20,20 ha.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp 4.186,75 ha, điều chỉnh tăng so với quy hoạch được duyệt là 204,97 ha.

+ Diện tích đất chưa sử dụng 0,00 ha, điều chỉnh giảm so với quy hoạch được duyệt là 184,77 ha.

- Số lượng công trình, dự án:

+ Tổng số công trình, dự án sau điều chỉnh quy hoạch là 425 công trình, dự án, trong đó:

- Số công trình, dự án bổ sung mới là 55 công trình, dự án.
 - Số công trình, dự án điều chỉnh là 77 công trình, dự án.
 - Số công trình, dự án không điều chỉnh là 293 công trình, dự án.
- + Số công trình, dự án đưa ra khỏi quy hoạch là 17 công trình, dự án.

- Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo Bảng 4.1 và 4.2 dưới đây:

Bảng 4.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030

(So sánh diện tích điều chỉnh quy hoạch với diện tích quy hoạch được phê duyệt)

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt đến năm 2030 tại QĐ 964		Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	So sánh với QH được duyệt (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Tổng diện tích tự nhiên		7.308,53	100,00	7.308,53	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.141,98	42,99	3.121,78	-20,20	42,71
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	611,78	8,37	606,69	-5,09	8,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>605,66</i>	<i>8,29</i>	<i>598,57</i>	<i>-7,09</i>	<i>8,19</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	306,50	4,19	303,11	-3,39	4,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	9,62	0,13	6,65	-2,97	0,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	71,66	0,98	75,91	4,25	1,04
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.940,94	26,56	1.893,95	-46,99	25,91
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	133,69	1,83	130,14	-3,55	1,78
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	67,79	0,93	105,32	37,53	1,44
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.981,78	54,48	4.186,75	204,98	57,29
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	96,88	1,33	96,98	0,10	1,33
2.2	Đất an ninh	CAN	27,01	0,37	30,00	2,99	0,41
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	1,35	98,75	0,00	1,35
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	56,37	0,77	55,11	-1,26	0,75
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	158,46	2,17	222,90	64,44	3,05
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	46,90	0,64	14,79	-32,11	0,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	0,53	0,01	29,96	29,43	0,41
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.518,77	20,78	1.685,33	166,56	23,06
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất giao thông	DGT	810,60	11,09	1.067,22	256,62	14,60
-	Đất thủy lợi	DTL	105,16	1,44	112,85	7,69	1,54

-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,82	0,11	21,63	13,81	0,30
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	33,32	0,46	36,72	3,40	0,50
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	101,08	1,38	106,97	5,89	1,46
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	26,59	0,36	47,14	20,55	0,65
-	Đất công trình năng lượng	DNL	6,59	0,09	7,26	0,67	0,10
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,42	0,02	1,42	0,00	0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	10,70	0,15	11,32	0,62	0,15
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	49,81	0,68	27,08	-22,73	0,37
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,99	0,19	14,87	0,88	0,20
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà HT	NTD	335,35	4,59	221,67	-113,68	3,03
-	Đất XD cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,07	0,00	0,07	0,00	0,00
-	Đất chợ	DCH	16,27	0,22	9,12	-7,15	0,12
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,44	0,17	12,43	-0,01	0,17
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	114,86	1,57	218,21	103,35	2,99
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.238,16	16,94	1.153,73	-84,43	15,79
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	68,65	0,94	61,39	-7,26	0,84
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	16,83	0,23	17,89	1,06	0,24
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	16,50	0,23	14,56	-1,94	0,20
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	352,95	4,83	326,93	-26,02	4,47
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	157,59	2,16	147,80	-9,79	2,02
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,00	0,00	-0,13	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	184,77	2,53	0,00	-184,77	0,00

Bảng 4.2. Diện tích, cơ cấu các loại đất điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030

(So sánh diện tích điều chỉnh quy hoạch với diện tích hiện trạng năm 2023)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023		Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	So sánh với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Tổng diện tích tự nhiên		7.308,53	100,00	7.308,53	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.914,29	53,56	3.121,78	-792,52	42,71
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.042,34	14,26	606,69	-435,66	8,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.032,56</i>	<i>14,13</i>	<i>598,57</i>	<i>-433,99</i>	<i>8,19</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	438,38	6,00	303,11	-135,27	4,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13,01	0,18	6,65	-6,36	0,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	75,91	1,04	75,91	0,00	1,04
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.203,23	30,15	1.893,95	-309,28	25,91
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	119,05	1,63	130,14	11,09	1,78
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-

1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	22,36	0,31	105,32	82,96	1,44
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.125,08	42,76	4.186,75	1.061,67	57,29
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	116,10	1,59	96,98	-19,12	1,33
2.2	Đất an ninh	CAN	27,01	0,37	30,00	2,99	0,41
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	1,35	98,75	0,00	1,35
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	25,01	0,34	55,11	30,10	0,75
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	89,82	1,23	222,90	133,07	3,05
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	14,79	0,20	14,79	0,00	0,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	0,00	-
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	0,53	0,01	29,96	29,43	0,41
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.308,13	17,90	1.685,33	377,21	23,06
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất giao thông	DGT	704,89	9,64	1.067,22	362,33	14,60
-	Đất thủy lợi	DTL	97,22	1,33	112,85	15,63	1,54
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,02	0,05	21,63	17,61	0,30
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	29,59	0,40	36,72	7,13	0,50
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	85,91	1,18	106,97	21,06	1,46
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,96	0,22	47,14	31,19	0,65
-	Đất công trình năng lượng	DNL	4,67	0,06	7,26	2,59	0,10
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,30	0,02	1,42	0,12	0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-
-	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,35	0,00	11,32	10,97	0,15
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	27,08	0,37	27,08	0,00	0,37
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	14,03	0,19	14,87	0,84	0,20
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà HT	NTD	315,64	4,32	221,67	-93,97	3,03
-	Đất XD cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,07	0,00	0,07	0,00	0,00
-	Đất chợ	DCH	7,42	0,10	9,12	1,70	0,12
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,57	0,17	12,43	-0,14	0,17
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	52,07	0,71	218,21	166,14	2,99
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	767,66	10,50	1.153,73	386,07	15,79
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	40,43	0,55	61,39	20,96	0,84
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,87	0,24	17,89	0,02	0,24
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	15,83	0,22	14,56	-1,27	0,20
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	381,12	5,21	326,93	-54,19	4,47
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	157,26	2,15	147,80	-9,46	2,02
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,00	0,00	-0,13	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	269,15	3,68	0,00	-269,15	0,00

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

2.2.2.1. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 3.121,78 ha, giảm so với năm 2023 là 792,52 ha, cụ thể cho từng loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 606,69 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, diện tích trồng lúa giảm so với năm 2023 là 435,66 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để xây dựng Doanh trại đội cảnh sát PCCC và CNCH trung tâm; Trung tâm Quản lý bến xe khách tỉnh và bến xe

Đông Hà; Trường Chính trị Lê Duẩn; Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ; Khu đô thị đường hai đầu cầu sông Hiếu, khu phố 4, phường Đông Thanh; Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà; Khu đô thị Thuận Châu ...

- Đất trồng cây hàng năm: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 303,11 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, diện tích trồng cây hàng năm giảm so với năm 2023 là 135,27 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án: Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 (giai đoạn 2); Khu dân cư Đông Giang (phía Bắc đường Thanh Niên); Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ; Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà ...

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 6,65 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất trồng cây lâu năm giảm so với năm 2023 là 6,36 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án Tổ hợp Thương mại Chợ Đông Hà ven sông Hiếu; Dự án khu vực hồ Trung Chỉ, Cọ Dầu...

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 75,91 ha; đây là diện tích rừng phòng hộ có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình phát triển của thành phố, đặc biệt là bảo vệ nguồn gen và môi trường sinh thái. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất rừng phòng hộ không có sự biến động so với năm 2023.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 1.893,95 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất rừng sản xuất giảm so với năm 2023 là 309,28 ha, cụ thể:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 328,58 ha để thực hiện dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Đông Lương thuộc phường Đông Lương, thành phố Đông Hà; Đường tránh phía Tây thành phố Đông Hà; đường sắt tốc độ cao; Khu tưởng niệm Vua Trần Nhân Tông; Khu nhà ở hỗn hợp - hồ Trung Chỉ; Xây dựng vườn ươm cây giống công nghệ cao ...

+ Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất rừng sản xuất tăng thêm 19,30 ha, do chuyển đất của Đoàn 384 cho địa phương quản lý.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 130,14 ha, tăng so với năm 2023 là 11,09 ha, cụ thể:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản tăng thêm 41,50 ha để thực hiện dự án vùng nuôi trồng thủy sản Khe Lấp; Phát triển nuôi trồng thủy sản (Khu phố 5), phường Đông Thanh; nuôi cá nước ngọt (Vùng Lác - Cửa Chùa) và vùng nuôi tôm nước lợ, phường Đông Giang; vùng nuôi trồng thủy sản khu vực Vĩnh Phước, phường Đông Lương ...

+ Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản giảm 30,41 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án khu đô thị

Bắc Sông Hiếu; khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà; Dự án Chợ và Khu phố chợ Phường 5; Khu đô thị Bắc sông Hiếu Giai đoạn 2 ...

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 105,32 ha, tăng so năm 2023 là 82,96 ha, để đầu tư xây dựng vườn ươm cây giống công nghệ cao; Vùng trồng hoa ở phường Đông Giang; Nuôi chim yến, phường Đông Lương; Khu trang trại chăn nuôi trồng trọt (khu vực hồ Khe Lấp); Vùng trồng hoa Vĩnh Phước, phường Đông Lương ...

2.2.2.2. Đất phi nông nghiệp

Trong tiến trình đô thị hóa, phần đầu xây dựng thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II và trở thành thành phố thông minh, nhu cầu sử dụng đất để xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh là rất lớn. Đất phi nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 4.186,75 ha, tăng so với năm 2023 là 1.061,67 ha, cụ thể:

- Đất quốc phòng: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 96,98 ha, giảm so với năm 2023 là 19,12 ha, cụ thể:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất quốc phòng giảm 21,22 ha do chuyển 19,30 ha đất của Lữ đoàn 384 tại Phường 3 và Phường 4 để giao cho địa phương quản lý; và thực hiện dự án Quảng trường và Bến thả hoa, diêm lưu trú Khu vực nghĩa Trang Liệt sỹ QG Đường 9 ...

+ Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất quốc phòng tăng thêm 2,10 ha để xây dựng Ban chỉ huy quân sự thành phố Đông Hà.

- Đất an ninh: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 30,00 ha, tăng so với năm 2023 là 2,99 ha để thực hiện dự án Trụ sở Công an phường 1; Doanh trại đội cảnh sát PCCC và CNCH trung tâm.

- Đất khu công nghiệp: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 98,75 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất khu công nghiệp không có sự biến động so với năm 2023.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 55,11 ha, tăng so với năm 2023 là 30,10 ha, để thực hiện dự án mở rộng cụm công nghiệp đường 9D và cụm công nghiệp Phường 4.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 222,90 ha, tăng so với năm 2023 là 133,07 ha, cụ thể:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất thương mại dịch vụ tăng 137,68 ha, để thực hiện dự án Trung tâm Thương mại dịch vụ và khu vui chơi trẻ em; Trung tâm thương mại Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3 (Khu CC4); Cửa hàng xăng dầu số 42 phường Đông Giang; đất thương mại, dịch vụ dọc 2 bên bờ sông Hiếu; đất thương mại dịch vụ lâm viên hồ Km6; thương mại dịch vụ Lâm viên Cọ Dầu - Trung Chỉ; khu du lịch sinh thái hồ Hối Sông; đất thương mại, dịch vụ khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; khu sinh thái Hồ Méc ...

+ Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất thương mại dịch vụ giảm

4,61 ha để thực hiện dự án Trụ sở làm việc Đoạn Quản lý đường thủy nội địa; khu di tích quốc gia đặc biệt cảng quân sự Đông Hà ...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 14,79 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không có sự biến động so với năm 2023.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 29,96 ha, tăng so với năm 2023 là 29,43 ha, để thực hiện dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Đông Lương thuộc phường Đông Lương; Mỏ cát sỏi Cồn Nôi, phường Đông Lương.

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 1.685,33 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất phát triển hạ tầng tăng so với năm 2023 là 377,20 ha. Cụ thể từng loại đất như sau:

+ Đất giao thông: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 1.067,22 ha, tăng so với năm 2023 là 362,33 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 423,89 ha, để thực hiện dự án Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu, giai đoạn 1; Đường An Dương Vương; Trung tâm Quản lý bến xe khách tỉnh và bến xe Đông Hà; Đường tránh phía Tây thành phố Đông Hà; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; giao thông trong các khu đô thị mới ...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất giao thông giảm 61,56 ha, do chuyển sang thực hiện các dự án Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu; Khu đô thị Bắc sông Hiếu Giai đoạn 2; Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà ...

+ Đất thủy lợi: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 112,85 ha, tăng so với năm 2023 là 15,63 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 53,45 ha, để thực hiện dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà; Kè chống sạt lở tại khu vực phía Đông đường Đông Kinh Nghĩa Thục, Khu phố 3, Phường 4...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 37,82 ha, do chuyển sang thực hiện dự án Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà; Khu đô thị Thuận Châu; Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ ...

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 21,63 ha, tăng so với năm 2023 là 17,61 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 17,72 ha, để thực hiện công trình Công, tường rào nhà văn hóa khu phố 9, phường Đông Lễ; Khu tưởng niệm Vua Trần Nhân Tông; Quảng trường và Bến thả hoa, diêm lưu trú Khu vực nghĩa Trang Liệt sỹ QG Đường 9 ...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 0,11 ha, do chuyển sang

thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu, Phường 3; Đấu giá đất ở Nhà văn hoá khu phố 2 cũ, Phường 4.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 36,72 ha, tăng so với năm 2023 là 7,13 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 7,17 ha, để thực hiện công trình Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn thành phố Đông Hà; Bệnh viện mắt; Bệnh viện TTH ...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 0,04 ha, để xây dựng Nhà văn hóa khu phố 8, Phường 1.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 106,97 ha; tăng so với năm 2023 là 21,06 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 22,98 ha, để thực hiện công trình Mở rộng Trường Tiểu học Đông Lễ; Trường Mầm non Hạnh Phúc; Trường Chính trị Lê Duẩn; Xây dựng trường học trong khu đô thị Bắc Sông Hiếu (giai đoạn 2) ...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 1,92 ha, để chuyển sang thực hiện Dự án Chợ và Khu phố chợ Phường 5; Đường An Dương Vương, thành phố Đông Hà; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà ...

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 47,14 ha, tăng so với năm 2023 là 31,19 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 31,61 ha, để thực hiện dự án sân tập golf ở Phường 5; sân thể thao đa năng ở Phường 4; sân thể thao các phường ...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 0,42 ha để chuyển sang thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn thành phố.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 7,26 ha, tăng so với năm 2023 là 2,59 ha, để thực hiện công trình Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm thành phố; Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây, tạo mạch vòng ...

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 1,42 ha, tăng so với năm 2023 là 0,12 ha, để xây dựng các trạm BTS trên địa bàn thành phố.

+ Đất di tích lịch sử văn hóa: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 11,32 ha, tăng so với năm 2023 là 10,97 ha, để thực hiện công trình di tích lịch sử cầu Lai Phước; khu di tích lịch sử đình làng Trung Chỉ; khu di tích quốc gia đặc biệt cảng quân sự Đông Hà ...

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 27,08 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất bãi thải, xử lý chất thải không có sự biến động so với năm 2023.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 14,87 ha, tăng so với năm 2023 là 0,84 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 0,91 ha, để Mở rộng khuôn viên Giáo xứ Đông Hà; Chùa Viên Quang; Niệm phật đường Đình Tổ ...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 0,07 ha, để thực hiện dự án Khu dân cư Đông Giang (phía Bắc đường Thanh Niên).

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 221,67 ha, giảm so với năm 2023 là 93,97 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 11,82 ha, để thực hiện dự án Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại Phường 4; Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại phường Đông Lương ...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 105,79 ha, do chuyển sang thực hiện công trình Đường tránh phía Tây thành phố Đông Hà; Khu nhà ở hỗn hợp - hồ Trung Chi; Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ; Khu đô thị Bắc Sông Hiếu (giai đoạn 2); Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà ...

+ Đất chợ: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 9,12 ha, tăng so với năm 2023 là 1,70 ha, cụ thể:

- Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 5,23 ha, để thực hiện dự án Tổ hợp Thương mại Chợ Đông Hà ven sông Hiếu; khu phố chợ và chợ Phường 5; Chợ KDC đường Hàn Thuyên; Chợ Nam Đông Hà ...

- Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 3,53 ha, do chuyển sang thực hiện dự án Tổ hợp Thương mại Chợ Đông Hà ven sông Hiếu; đường Bà Triệu nối dài đoạn qua chợ Đông Hà ...

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 12,43 ha, giảm so với năm 2023 là 0,14 ha, cụ thể:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 0,85 ha, để thực hiện dự án Nhà phòng chống bão lụt, kết hợp sinh hoạt cộng đồng, Phường 4; Nhà phòng chống bão lụt, kết hợp sinh hoạt cộng đồng khu phố 5, phường Đông Lễ; Hội trường hợp tác xã Đại Áng, phường Đông Lương.

+ Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 0,99 ha, do chuyển sang thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Đầu giá nhà văn hóa khu phố 1 cũ, Phường 4 ...

- Đất vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 218,21 ha. Để đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho nhân dân, điểm tham quan du lịch nghỉ dưỡng của khách du lịch, đặc biệt là tạo cảnh quan, môi trường của một đô thị trung tâm, xây dựng các vườn hoa, công viên, lâm viên sinh thái và thảm cây xanh, mặt nước trong các khu ở, khu đô thị mới. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất vui chơi, giải trí công cộng tăng so với năm 2023 là 166,14 ha, cụ thể:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 168,46 ha, để thực hiện dự án Tổ hợp Thương mại Chợ Đông Hà ven sông Hiếu; Khu nhà ở hỗn hợp - hồ Trung

Chỉ; Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ; Dự án khu vực hồ Trung Chi, Cọ Dầu; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà; Công viên cây xanh, công cộng trong khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà ...

+ Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 2,32 ha, do chuyển sang thực hiện Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà ...

- Đất ở tại đô thị: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 1.153,73 ha, tăng so với năm 2023 là 386,07 ha, cụ thể:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 417,62 ha, để thực hiện dự án Tổ hợp Thương mại Chợ Đông Hà ven sông Hiếu; Khu dân cư mới Phường 1; Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ (giai đoạn 2); Khu dân cư Nam sông Hiếu, phường 4; Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ; Khu nhà ở hỗn hợp - hồ Trung Chi; Khu đô thị Bắc sông Hiếu Giai đoạn 2; Khu dân cư Đông Giang (phía Bắc đường Thanh Niên); Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà; Khu đô thị Thuận Châu; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu đô thị Tân Vĩnh; Chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân ...

+ Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 31,55 ha, do chuyển sang thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà; Dự án chỉnh trang đô thị khu vực trung tâm thành phố; Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu, giai đoạn 1; Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2) ...

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 61,39 ha, tăng so với năm 2023 là 20,96 ha, cụ thể:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 23,41 ha, để thực hiện dự án Trụ sở UBND Phường 1; Trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị; Trụ sở làm việc Đoàn Quản lý đường thủy nội địa; Trụ sở Tỉnh ủy và các cơ quan, giai đoạn 1; Khu hành chính tỉnh ...

+ Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch giảm 2,45 ha, do chuyển sang thực hiện dự án Trụ sở Công an phường 1; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà ...

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 là 17,89 ha, tăng so với năm 2023 là 0,02 ha, để đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Các loại đất khác: Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 đất sông, suối giảm 54,19 ha; đất có mặt nước chuyên dùng giảm 9,46 ha so với năm 2023 do chuyển sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố.

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

2.2.3.1 Đất nông nghiệp:

Diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.914,29 ha, diện tích đất không thay đổi

mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.977,45 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 3.121,78 ha, giảm 792,52 ha so với năm 2023, trong đó:

- Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.042,34 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 606,69 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 606,69 ha, giảm 435,66 ha so với năm 2023, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất nuôi trồng thủy sản: 26,23 ha; đất nông nghiệp khác: 11,10 ha; đất quốc phòng: 2,10 ha; đất an ninh: 2,69 ha; đất thương mại, dịch vụ: 51,81 ha; đất phát triển hạ tầng: 154,93 ha; đất sinh hoạt cộng đồng: 0,50 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 13,07 ha; đất ở tại đô thị: 150,48 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 15,06 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 7,69 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 438,38 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 303,11 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 303,11 ha, giảm 135,27 ha so với năm 2023, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất nuôi trồng thủy sản: 0,19 ha; đất nông nghiệp khác: 0,27 ha; đất cụm công nghiệp: 1,00 ha; đất thương mại, dịch vụ: 5,43 ha; đất phát triển hạ tầng: 53,25 ha; đất sinh hoạt cộng đồng: 0,30 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 4,02 ha; đất ở tại đô thị: 70,44 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 0,37 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 13,01 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 6,65 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 6,65 ha, giảm 6,36 ha so với năm 2023, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất thương mại, dịch vụ: 0,55 ha; đất phát triển hạ tầng: 1,33 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 4,07 ha; đất ở tại đô thị: 0,41 ha.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 75,91 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 75,91 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 75,91 ha, so với năm 2023 không có sự biến động.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 2.203,23 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.874,65 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 1.893,95 ha, giảm 309,28 ha so với năm 2023. Biến động giảm do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất nuôi trồng thủy sản: 1,90 ha; đất nông nghiệp khác: 52,03 ha; đất cụm công nghiệp: 24,77 ha; đất thương mại, dịch vụ: 29,33 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 23,75 ha; đất phát triển hạ tầng: 97,70 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 39,72 ha; đất ở tại đô thị: 58,83 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,55 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất rừng sản xuất tăng 19,30 ha do chuyển từ đất quốc phòng của Đoàn 384 sang cho địa phương quản lý.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 119,05 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 88,64 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 130,14 ha, tăng 11,09 ha so với năm 2023. Biến động tăng 41,50 ha, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 26,23 ha; đất trồng cây hàng năm khác: 0,19 ha; đất rừng sản xuất: 1,90 ha; đất phát triển hạ tầng: 1,80

ha; đất sông ngòi: 1,01 ha; đất chưa sử dụng: 10,37 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản giảm 30,41 ha do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất thương mại, dịch vụ: 1,00 ha; đất phát triển hạ tầng: 14,46 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1,11 ha; đất ở tại đô thị: 12,43 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,01 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 1,40 ha.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 22,36 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 21,79 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 105,32 ha, tăng 82,96 ha so với năm 2023, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 11,10 ha; đất trồng cây hàng năm khác: 0,27 ha; đất rừng sản xuất: 52,03 ha; đất phát triển hạ tầng: 2,56 ha; đất sông suối: 0,17 ha; đất chưa sử dụng: 17,40 ha.

2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp:

Diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.125,08 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.770,85 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 4.186,76 ha, tăng 1.061,68 ha so với năm 2023, trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 116,10 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 94,88 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 96,98 ha, giảm 19,12 ha so với năm 2023. Biến động giảm 21,22 ha do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất rừng sản xuất: 19,30 ha; đất phát triển hạ tầng: 1,72 ha; đất ở tại đô thị: 0,20 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất quốc phòng tăng 2,10 ha, được lấy từ đất trồng lúa.

- Đất an ninh: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 27,01 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 27,01 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 30,00 ha, tăng 2,99 ha so với năm 2023, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 2,69 ha; đất phát triển hạ tầng: 0,20 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,10 ha.

- Đất khu công nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 98,75 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 98,75 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 98,75 ha, so với năm 2023 không có sự biến động.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 25,01 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 25,01 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 55,11 ha, tăng 30,10 ha so với năm 2023, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng cây hàng năm khác: 1,00 ha; đất rừng sản xuất: 24,77 ha; đất sông suối 2,13 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 89,82 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 85,21 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 222,90 ha, tăng 133,07 ha so với năm 2023. Biến động tăng 137,68 ha, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 51,81 ha; đất trồng cây hàng năm khác: 5,43 ha; đất trồng cây lâu năm: 0,55 ha; đất rừng sản xuất: 29,33 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 1,00 ha; đất phát triển hạ tầng: 9,43 ha; đất sinh hoạt cộng đồng: 0,08 ha; đất ở tại đô thị: 1,84 ha; đất xây dựng trụ sở cơ

quan: 0,28 ha; đất tín ngưỡng: 0,03 ha; đất sông suối: 5,07 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 0,57 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,13 ha; đất chưa sử dụng: 32,13 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất thương mại, dịch vụ giảm 4,61 ha, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất phát triển hạ tầng 3,44 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,27 ha; đất ở tại đô thị: 0,53 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,35 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 0,02 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 14,79 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 14,79 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 14,79 ha, so với năm 2023 không có sự biến động.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 0,53 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 0,53 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 29,96 ha, tăng 29,43 ha so với năm 2023, được lấy từ các loại đất sau: Đất rừng sản xuất: 23,75 ha; đất sông suối: 5,21 ha; đất chưa sử dụng: 0,47 ha.

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.308,13 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.096,87 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 1.685,33 ha, tăng 377,21 ha so với năm 2023. Biến động tăng 588,46 ha, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 154,93 ha; đất trồng cây hàng năm khác: 53,25 ha; đất trồng cây lâu năm: 1,33 ha; đất rừng sản xuất: 97,70 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 14,46 ha; đất quốc phòng: 1,72 ha; đất thương mại, dịch vụ: 3,44 ha; đất giao thông: 12,38 ha; đất thủy lợi: 9,33 ha; đất xây dựng cơ sở y tế: 0,04 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,87 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 0,18 ha; đất nghĩa địa: 65,28 ha; đất chợ: 1,63 ha; đất sinh hoạt cộng đồng: 0,28 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1,87 ha; đất ở tại đô thị: 24,52 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,90 ha; đất tín ngưỡng: 0,34 ha; đất sông suối: 31,17 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 11,62 ha; đất chưa sử dụng: 100,65 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất phát triển hạ tầng giảm 211,26 ha, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất nuôi trồng thủy sản: 1,80 ha; đất nông nghiệp khác: 2,56 ha; đất an ninh: 0,20 ha; đất thương mại, dịch vụ: 9,43 ha; đất giao thông: 72,78 ha; đất thủy lợi: 10,80 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa: 1,61 ha; đất xây dựng cơ sở y tế: 0,21 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 2,44 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 0,40 ha; đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,03 ha; đất nghĩa địa: 0,88 ha; đất chợ: 0,56 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 23,99 ha; đất ở tại đô thị: 77,49 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 3,22 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 2,86 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 12,57 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 11,58 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 12,43 ha, giảm 0,14 ha so với năm 2023. Biến động giảm 0,99 ha, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất thương mại, dịch vụ: 0,08 ha; đất phát triển hạ tầng: 0,28 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,18 ha; đất ở tại đô thị: 0,41 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,02 ha; đất

có mặt nước chuyên dùng: 0,02 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,85 ha, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 0,50 ha; đất trồng cây hàng năm khác: 0,30 ha; đất chưa sử dụng: 0,05 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 52,07 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 49,75 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 218,21 ha, tăng 166,14 ha so với năm 2023. Biến động tăng 168,46 ha, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 13,07 ha; đất trồng cây hàng năm khác: 4,02 ha; đất trồng cây lâu năm: 4,07 ha; đất rừng sản xuất: 39,72 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 1,11 ha; đất thương mại, dịch vụ: 0,27 ha; đất phát triển hạ tầng: 23,99 ha; đất sinh hoạt cộng đồng: 0,18 ha; đất ở tại đô thị: 2,82 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,61 ha; đất tín ngưỡng: 0,05 ha; đất sông suối: 3,19 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 5,37 ha; đất chưa sử dụng: 69,99 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất khu vui chơi, giải trí công cộng giảm 2,32 ha, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất phát triển hạ tầng: 1,87 ha; đất ở tại đô thị: 0,45 ha.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 767,66 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 736,11 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 1.153,73 ha, tăng 386,07 ha so với năm 2023. Biến động tăng 417,62 ha, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 150,48 ha; đất trồng cây hàng năm khác: 70,44 ha; đất trồng cây lâu năm: 0,41 ha; đất rừng sản xuất: 58,83 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 12,43 ha; đất quốc phòng: 0,20 ha; đất thương mại, dịch vụ: 0,53 ha; đất phát triển hạ tầng: 77,49 ha; đất sinh hoạt cộng đồng: 0,41 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,45 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,56 ha; đất tín ngưỡng: 0,78 ha; đất sông suối: 6,22 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 6,68 ha; đất chưa sử dụng: 31,71 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất ở tại đô thị giảm 31,55 ha, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất thương mại, dịch vụ: 1,84 ha; đất phát triển hạ tầng: 24,52 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 2,82 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,27 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 2,10 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 40,43 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 37,98 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 61,39 ha, tăng 20,96 ha so với năm 2023. Biến động tăng 23,41 ha, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 15,06 ha; đất rừng sản xuất: 0,55 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 0,01 ha; đất thương mại, dịch vụ: 0,35 ha; đất phát triển hạ tầng: 3,22 ha; đất sinh hoạt cộng đồng: 0,02 ha; đất ở tại đô thị: 0,27 ha; đất chưa sử dụng: 3,93 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 2,45 ha, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất an ninh: 0,10 ha; đất thương mại, dịch vụ: 0,28 ha; đất phát triển hạ tầng: 0,90 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,61 ha; đất ở tại đô thị: 0,56 ha.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 17,87 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là

17,87 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 17,89 ha, tăng 0,02 ha so với năm 2023, được lấy từ đất sông suối.

- Đất tín ngưỡng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 15,83 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 14,56 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 14,56 ha, giảm 1,27 ha so với năm 2023, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất thương mại, dịch vụ: 0,03 ha; đất phát triển hạ tầng: 0,34 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,05 ha; đất ở tại đô thị: 0,78 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 0,07 ha.

- Đất sông suối: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 381,12 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 326,93 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 326,93 ha, giảm 54,19 ha so với năm 2023, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất nuôi trồng thủy sản: 1,01 ha; đất nông nghiệp khác: 0,17 ha; đất cụm công nghiệp 2,13 ha; đất thương mại, dịch vụ: 5,07 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 5,21 ha; đất phát triển hạ tầng: 31,17 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 3,19 ha; đất ở tại đô thị: 6,22 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,02 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 157,26 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 133,02 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 147,80 ha, giảm 9,46 ha so với năm 2023. Biến động tăng 14,78 ha, được lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 7,69 ha; đất trồng cây hàng năm khác: 0,37 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 1,40 ha; đất thương mại, dịch vụ: 0,02 ha; đất phát triển hạ tầng: 2,86 ha; đất sinh hoạt cộng đồng: 0,02 ha; đất ở tại đô thị: 2,10 ha; đất tín ngưỡng: 0,07 ha; đất chưa sử dụng: 0,25 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất có mặt nước chuyên dùng giảm 24,24 ha, do chuyển sang sử dụng vào mục đích sau: Đất thương mại, dịch vụ: 0,57 ha; đất phát triển hạ tầng: 11,62 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 5,37 ha; đất ở tại đô thị: 6,68 ha.

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 0,13 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 0,00 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 0,00 ha, giảm 0,13 ha so với năm 2023 để chuyển sang đất thương mại, dịch vụ.

2.2.3.3. Đất chưa sử dụng:

Diện tích hiện trạng năm 2023 là 269,15 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 0,00 ha, diện tích cuối kỳ đến năm 2030 là 0,00 ha, giảm 269,15 ha so với năm 2023, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích sau: Đất nuôi trồng thủy sản 10,37 ha; đất nông nghiệp khác 17,40 ha; đất cụm công nghiệp 2,20 ha; đất thương mại, dịch vụ 32,13 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,47 ha; đất phát triển hạ tầng 100,65 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,05 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 69,99 ha; đất ở tại đô thị 31,71 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 3,93 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,25 ha.

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

2.3.1. Đất đô thị

Tổng diện tích đất đô thị là 7.308,53 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 3.121,78 ha, chiếm 42,71%; đất phi nông nghiệp 4.186,76 ha, chiếm 57,29%; đất chưa sử dụng 0,00 ha.

2.3.2. Khu vực sản xuất nông nghiệp (chuyên trồng lúa nước)

Trên địa bàn thành phố, diện tích đất chuyên trồng lúa nước 598,57 ha tập trung chủ yếu ở phường Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lương, Đông Lễ.

2.3.3. Khu lâm nghiệp (bao gồm rừng phòng hộ và rừng sản xuất)

Tổng diện tích đất lâm nghiệp là 1.969,87 ha, trong đó:

- Đất rừng phòng hộ có diện tích 75,91 ha, chiếm 1,04% tổng diện tích tự nhiên, tập trung ở Phường 3 (khu vực vườn thực nghiệm khoảng 41 ha và khu vực phòng hộ đầu nguồn hồ Khe Lấp khoảng 35 ha).

- Đất rừng sản xuất có diện tích 1.893,95 ha, chiếm 25,73% tổng diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở Phường 3, Phường 4, Đông Lương, Đông Lễ.

2.3.4. Khu du lịch

Khu du lịch được khoanh định khoảng 96,70 ha, bao gồm các công viên, lâm viên sinh thái như: Công viên Fidel; khu sinh thái hồ Méc, hồ Km6, Cọ Dầu - Trung Chi, hồ Khe Mây...

2.3.5. Khu vực phát triển công nghiệp (bao gồm khu công nghiệp và cụm công nghiệp)

Diện tích khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp khoảng 153,86 ha, gồm khu công nghiệp Nam Đông Hà diện tích khoảng 98,75 ha, cụm công nghiệp Đông Lễ, cụm công nghiệp Phường 4 và cụm công nghiệp đường 9D diện tích khoảng 55,11 ha.

2.3.6. Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)

Diện tích khoảng 2.516,83 ha, gồm đất ở; đất thương, mại dịch vụ; đất trụ sở cơ quan; đất các khu vui chơi, giải trí công cộng và đất hạ tầng đô thị... trong các khu đô thị hiện hữu và khu đô thị mới.

2.3.7. Khu thương mại - dịch vụ

Diện tích khoanh định khoảng 222,90 ha, đây là đất thương mại, dịch vụ trong các khu đô thị mới, đất thương mại, dịch vụ dọc Quốc lộ 9D và trong các khu đô thị hiện hữu.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Đông Hà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Quảng

Trị, việc bố trí sử dụng đất hợp lý, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có là đòn bẩy thúc đẩy tốc độ phát triển của thành phố nói riêng, tỉnh Quảng Trị nói chung. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy được tiềm năng, mở rộng nhanh chóng quy mô ngành thương mại dịch vụ và phát triển ngành công nghiệp và nông nghiệp bền vững.

- Dựa trên những lợi thế sẵn có của thành phố để xây dựng thành phố Đông Hà trở thành trung tâm thương mại của vùng Bắc Trung bộ. Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Ưu tiên, khuyến khích đầu tư, phát triển mạng lưới thương mại dịch vụ sản xuất với 3 chức năng cơ bản: (1) phát triển các hệ thống du lịch, dịch vụ thương mại, vui chơi, nghỉ dưỡng, tham quan, (2) cung cấp vật tư nông nghiệp và hàng tiêu dùng, (3) tiêu thụ sản phẩm hàng công nghiệp. Các trung tâm thương mại, siêu thị và chợ được hình thành nhiều hơn, đặc biệt là ở khu vực nội thành đảm bảo cho nhu cầu giao lưu, trao đổi hàng hóa của người dân ngày càng cao.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Đẩy nhanh chuyển dịch các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng trang trại doanh nghiệp hàng hóa. Tổ chức sản xuất hàng hóa nông sản với chất lượng cao và bền vững.

- Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tác động đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, không chỉ phát huy được nguồn lực của đất đai, làm tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả mà còn thể hiện sự công bằng, chính sách ưu việt của Nhà nước đối với chủ thể sử dụng đất. Đồng thời chính sách giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất đã và đang tạo lập được hành lang pháp lý để kêu gọi, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đã tạo điều kiện phát triển các ngành kinh tế, phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên một số dự án công trình phải lấy vào đất ở nhiều sẽ gặp khó khăn trong quá trình bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

- Ngoài mục tiêu đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố, tăng nhanh cơ cấu ngành thương mại dịch vụ, giảm mạnh ngành nông nghiệp. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố còn đảm bảo giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Nhanh chóng đưa thành phố Đông Hà thành trung tâm thương mại kinh tế của vùng. Góp phần xây dựng nền kinh tế quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng trên các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, phấn đấu là lá cờ đầu của tỉnh trong toàn bộ các lĩnh vực. Không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

- Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 quy hoạch ổn định diện tích đất trồng lúa khoảng 606,69 ha, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Các khu vực chuyên trồng lúa nước được khoanh định, bảo vệ, không chuyển mục đích đất trồng lúa sang mục đích khác khi chưa có quy hoạch.

- Tạo chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, từng bước tạo thói quen, nếp sống vì môi trường xanh, sạch, đẹp. Ngăn ngừa hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

- Bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái.

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề do chuyển mục đích sử dụng đất.

- Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã giải quyết quỹ đất ở, hạn chế mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề do chuyển mục đích sử dụng đất, bố trí ổn định dân cư cho các vùng.

- Theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, diện tích đất nông nghiệp phải chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp là 845,13 ha, trong đó: Đất trồng lúa 398,33 ha; đất trồng cây hàng năm 134,81 ha; đất trồng cây lâu năm 6,36 ha; đất rừng sản xuất 274,65 ha; đất nuôi trồng thủy sản 30,41 ha; đất nông nghiệp khác 0,57 ha. Do đó phải dành kinh phí cho việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm mới cho người dân bị ảnh hưởng.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 sẽ hình thành các khu dân cư đô thị, khu tái định cư; các trung tâm thương mại, dịch vụ; các tuyến đường liên vùng, liên tỉnh, cùng với mạng lưới giao thông đô thị ... sẽ làm thay đổi diện mạo của thành phố trong tương lai, đảm bảo tiêu chí để thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II.

Tuy nhiên quá trình đô thị hóa sẽ gây áp lực cho công tác bảo vệ môi trường, vì thế cần có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường khi thực hiện các dự án đầu tư.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hầu như không tác động đến

đất di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc. Phương án đã đề ra giải pháp nhằm vừa quảng bá, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa tôn tạo.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển rừng và tỷ lệ che phủ.

- Bố trí cơ cấu sử dụng đất hợp lý có tính đến yếu tố môi trường và biến đổi khí hậu; bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái.

- Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã cơ bản đưa diện tích đất chưa sử dụng vào khai thác sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp. Các loại đất được khai thác và bố trí hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

- Bảo vệ phát triển rừng phòng hộ, chăm sóc phát triển rừng sản xuất theo hướng bền vững đảm bảo môi trường sinh thái hướng tới xây dựng thành phố Đông Hà trở thành đô thị xanh, thân thiện, đồng bộ theo hướng phát triển bền vững, thông minh, phù hợp với yêu cầu tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phần III

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường; đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất, tái tạo lại cảnh quan; bảo vệ rừng phòng hộ, phát triển, bảo vệ rừng sản xuất, tăng độ che phủ rừng, giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái.

- Cần xem xét ưu tiên đối với những dự án đầu tư có tính trọng điểm, là động lực phát triển kinh tế xã hội của thành phố, các dự án thân thiện với môi trường mang tính bền vững. Các dự án chuyên mục đích sử dụng đất cho phát triển kinh tế, xã hội buộc phải có đánh giá tác động môi trường để có thể ngăn chặn từ trước những nguyên nhân gây ô nhiễm, công tác lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn nước thải ra môi trường; kiểm tra, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử phạt các cơ sở sản xuất, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước.

- Đối với đất nông nghiệp phải áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai của thành phố. Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu chuyên gia các giống cây trồng, vật nuôi, hạn chế sâu bệnh, để có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Hầu hết các phường, khu phố đều có quy hoạch khu tập kết rác thải, tuy nhiên cần lựa chọn phương thức thu gom và công nghệ xử lý phù hợp, giảm thiểu tác động của khu quản lý rác thải đến môi trường xung quanh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường đến từng người dân trên địa bàn thành phố.

II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất

- Huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện quy hoạch. Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa phương thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư. Đẩy mạnh việc huy động vốn trong nhân dân bằng các phương thức tín dụng tài chính và phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

- Thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, phát huy tiềm năng, tăng cường thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là đầu tư để phát triển thương mại - dịch vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh và xây

dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Hướng dẫn việc triển khai thực hiện quy hoạch; cung cấp thông tin có liên quan cho chủ đầu tư để thực hiện đúng quy hoạch.

- Khuyến khích doanh nghiệp vào đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn thành phố.

III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất

3.1. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất toàn thành phố đến năm 2030 được phê duyệt, chỉ đạo các phường, các ngành xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất trong phạm vi quản lý của đơn vị mình, phù hợp với nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố trên địa bàn phường.

- Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố để mọi người dân biết và thực hiện đúng quy hoạch.

- Tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai để người dân nắm và tuân thủ.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các biến động đất đai để làm cơ sở cho công tác quản lý đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Phối hợp với nhân dân phát hiện và ngăn chặn kịp thời các công trình đầu tư xây dựng không phù hợp quy hoạch để đảm bảo quản lý đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch sử dụng đất, đồng thời thông qua nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính trong các thủ tục liên quan tới đất đai.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư phù hợp và đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền khi thực hiện dự án thu hồi, bồi thường đất đai để người dân thuộc đối tượng thu hồi đất đồng tình thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng. Giải quyết tốt chỗ ở, ổn định đời sống và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi.

3.2. Giải pháp về giám sát thực hiện quy hoạch

- Công bố công khai theo quy định các quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, để nhân dân đóng góp ý kiến làm cơ sở cho việc tiếp thu, kịp thời điều chỉnh những bất cập và tranh thủ sự giám sát của cộng đồng trong quá trình thực hiện; rà soát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định, tạo điều kiện

thuận lợi trong công tác chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, giao đất cho các nhà đầu tư các dự án; thường xuyên kiểm tra và kiên quyết thu hồi đất đối với các trường hợp được giao đất nhưng không đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Tiếp tục cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai, các văn bản của Trung ương, của tỉnh phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất.

- Chính sách chuyển các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu dân cư vào các cụm công nghiệp.

- Xây dựng và triển khai chương trình về đào tạo nghề cho những người thuộc diện thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội. Đây là giải pháp có tính cấp bách cần được triển khai thống nhất từ thành phố đến các phường để tránh trường hợp người dân sau khi nhận tiền đền bù đất phải lâm vào tình trạng thất nghiệp và không có thu nhập, từ đó phát sinh nhiều tệ nạn xã hội.

IV. Các giải pháp khác

4.1. Giải pháp về khoa học công nghệ, sử dụng lao động

- Tăng cường đầu tư cho việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Nâng cao trình độ trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho những cán bộ công chức làm công tác quản lý đất đai dưới hình thức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn thường xuyên để có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực giúp cho chính quyền các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013 quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ và các lĩnh vực như quản lý, điều hành... Khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để tạo ra sản phẩm có giá trị cao. Không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như các thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

4.2. Giải pháp về thông tin và truyền thông

Xây dựng quy hoạch và thực hiện quy hoạch sử dụng đất cần có sự tham gia đầy đủ của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Cần lựa chọn các phương tiện

thông tin và truyền thông phù hợp để mọi đối tượng nắm bắt được đầy đủ các thông tin về quy hoạch, kế hoạch. Ngoài ra giáo dục pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai cần được chú trọng, quan tâm; để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý đất đai và nhận thức của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, đúng pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Đông Hà được lập đúng theo quy định của Luật Đất đai, Luật Quy hoạch và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch của 37 Luật, Nghị quyết số 61/2022/QH15 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội thành phố, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các ngành, các lĩnh vực của thành phố Đông Hà.

Các nội dung, yêu cầu được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan.

II. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Đông Hà để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường của thành phố trong thời gian đến.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành quan tâm tạo điều kiện về mọi mặt (về cơ chế, chính sách, về vốn đầu tư ...) cho thành phố, đặc biệt là hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, hạ tầng phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư trên địa bàn thành phố./.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU VÀ PHỤ BIỂU